DOCUMENT RESUME

ED 180 222 FL 010 818

AUTHOR	Do, Dinh Tuan; And Others
TITLE	U.S. History: A Vietnamese Supplement. A High-School Bilingual Handbook for the Vietnamese Student. Indochinese High-School Supplements.
INSTITUTION	Title VII Midwest Resource Center, Arlington Heights, Ill.
SPONS AGENCY	Office of Education (DHEW), Washington, D.C.
PUB DATE	Jan 77
NOTE	111p.
LANGUAGE	Vietnamese
EDRS PRICE	MF01/PC05 Plus Postage.
DESCRIPTORS	Academic Education; *American History; Bilingual Education; *English (Second Language); History Instruction; *Indochinese; Secondary Education; Study Guides; *Supplementary Textbooks; *United States History; *Vietnamese; Vocabulary
IDENTIFIERS	Bilingual Education Act 1968; Elementary Secondary Education Act Title VII

ABSTRACT

This handbook in United States history is one of a series of handbooks designed for the Indochinese student in American high schools. Like the other books in the series, it is not intended to replace the English-language textbook, but is designed to help the student understand the textbook. The material presented was compiled and adapted from high school texts so that the terms and concepts would be applicable to standard secondary textbooks. The handbook is composed of two parts: (1) basic concepts; and (2) a glossary of technical terms. The first part contains brief "lessons" pertaining to the subject area and provides key concepts in summary form. Preceding the Vietnamese lessons is an outline in English which is meant to serve as a content guide for the teacher. (Author/AMH)

****
* Reproductions supplied by EDRS are the best that can be made *
* from the original document. *
****

ED180222

U.S. HISTORY: A VIETNAMESE SUPPLEMENT

A High-School Bilingual Handbook

for

the Vietnamese Student

developed

by:

Đỗ Đình Tuân	Coordinator, Midwest Indochinese Resource Center
Dương Minh Kính	English Teacher
Dương Đức Nhụ	Assistant Professor in English
Patricia Guymont	Staff Assistant
Phạm Thị Thanh Minh	Secretary
Duy Thanh	Artist

U.S. DEPARTMENT OF HEALTH, EDUCATION & WELFARE
NATIONAL INSTITUTE OF EDUCATION

THIS DOCUMENT HAS BEEN REPRODUCED EXACTLY AS RECEIVED FROM THE PERSON OR ORGANIZATION ORIGINATING IT. POINTS OF VIEW OR OPINIONS STATED DO NOT NECESSARILY REPRESENT OFFICIAL NATIONAL INSTITUTE OF EDUCATION POSITION OR POLICY

TITLE VII MIDWEST RESOURCE CENTER
TRUNG TÂM GIÁO DỤC SONG NGỮ MIỀN TRUNG TÂY
500 SOUTH DWYER AVE., ARLINGTON HEIGHTS, IL 60005

January 1977

The activity which is the subject of this report was supported in whole or in part by the U.S. Office of Education, Department of Health, Education, and Welfare. However, the opinions expressed herein do not necessarily reflect the position or policy of the U.S. Office of Education and no official endorsement by the U.S. Office of Education should be inferred.

FL010 818

INDOCHINESE HIGH - SCHOOL SUPPLEMENTS

A series of six booklets:

-U.S. History, Biology, Physics, Chemistry, Mathematics (Vietnamese)
-U.S. History (Cambodian)

developed

by:

MIDWEST INDOCHINESE RESOURCE CENTER STAFF

(Văn Phòng Giáo Dục Song Ngữ)

-Đỗ Đình Tuấn, Coordinator

-Patricia Guymont, Staff Assistant

-Phạm Thị Thanh Minh, Secretary

CONSULTANTS AND EDITORS

(Ban Tu Thư Giáo Dục Song Ngữ)

-Phạm Quốc Cường, Chemical Engineer
-Vũ Ngọc Đại, Mathematics teacher
-Lê Triệu Đẩu, Civil Engineer, Mathematics teacher
-Phạm Thị Bình Giang, Dentist
-Vũ Trường Giang, Science teacher
-Đỗ Đình Hoàng, Graduate Student in Chemistry
-Dương Minh Kính, English teacher
-Trần Chung Ngọc, Assistant Professor in Physics
-Dương Đức Nhự, Assistant Professor in English
-Virochana Omkar, Foreign Language teacher
-Sang Thech, English teacher
-Nguyễn Trọng Thị, Science teacher
-Dương Thiệu Toan, Mechanical Engineer, College Instructor
-Đỗ Đình Tuấn, Assistant Professor in Linguistics

Duy Thanh, Artist

Foreword

The recent influx of Indochinese refugees into the United States has added thousands of students needing special attention to American schools. The sudden change to a new educational system and a new language of instruction experienced by Indochinese students has been extremely difficult and frustrating for them and has caused great concern among teachers. Although the learning of English is a priority, it takes a long time for students to acquire sufficient mastery of the new language to study every subject taught entirely in English. Thus, it is practically impossible for them to continue their full educational development in all content areas. High school subjects that involve technical terminology such as Biology, Physics, Chemistry, and Mathematics are especially difficult for these students. The same is true for subjects such as United States History which require some elementary background acquired by most Americans through mere exposure.

What is needed, in fact, is a bridge between the concepts and skills acquired by students in Indochina and the new knowledge that should be acquired here in the United States. This series of supplements is designed to answer that need.

We are grateful to the editors and consultants, mostly prominent high-school teachers in Indochina, for the time and effort spent in completing this booklet. We also wish to acknowledge the support staff who worked so diligently on this project.

Maria Medina Swanson, Director
Guillermo DeHoogh, Associate Director
Đỗ-Đình Tuân, Coordinator

Lời nói đầu

Làn sóng tỵ nạn mới đây bỗng dưng đổ vào học đường Hoa Kỳ hàng ngàn học sinh Việt Nam. Các học sinh này cần phải được nhà trường đặc biệt chú ý. Sự thay đổi đột ngột sang một hệ thống giáo dục mới và một chuyển ngữ mới làm cho các học sinh gặp nhiều trở ngại, có khi đến độ chán nản. Đó cũng là mối quan tâm của các giáo sư. Mặc dầu việc trau dồi Anh ngữ là ưu tiên nhưng phải tốn nhiều thời gian mới đủ giỏi để học tất cả mọi môn học bằng ngôn ngữ mới này. Vì vậy, các học sinh Việt Nam không thể tiếp tục phát triển toàn diện con người trên phương diện giáo dục bằng cách thâu thập kiến thức trong mọi lãnh vực. Những môn học có nhiều danh từ chuyên môn như Sinh Vật Học, Vật Lý, Hóa Học và Toán gây cho các học sinh trung học nhiều khó khăn. Những môn như Lịch Sử Hoa Kỳ đòi hỏi kiến thức sở đẳng mà đa số học sinh Mỹ thường đã có sẵn vì sinh trưởng tại đây cũng gây trở ngại không ít.

Thực vậy, cần phải có một cái gạch nối giữa kiến thức và tài năng thâu thập được tại Việt Nam và kiến thức sẽ thâu thập tại Hoa Kỳ. Bộ sách giáo khoa bổ túc này được soạn thảo để đáp ứng nhu cầu vừa nói.

Ban Tu Thư Giáo Dục Song Ngữ đa số gồm các giáo sư trung học chuyên nghiệp tại Việt Nam, đã vì tương lai của các học sinh Việt Nam mà hoàn thành tập tài liệu này với nhiều hy sinh. Ban yểm trợ cũng không kém mẫn cán đã giúp nhiều trong việc hoàn thành.

Mong rằng tập tài liệu nhỏ này là một đóng góp cho một nền giáo dục có ý nghĩa đối với học sinh Việt Nam tại Hoa Kỳ.

Maria Medina Swanson
Guillermo DeHoogh
Đỗ Đình Tuân

INTRODUCTION

The Indochinese High-School Supplements is a series of six handbooks especially designed for the Indochinese student in American high schools. Five of the supplements are in Vietnamese and each deals with a specific subject-area : chemistry, physics, biology, mathematics or U.S. history. The sixth book is in Khmer and is a supplement for U.S. history. These supplements cannot in any way replace the textbook, but are designed to help the student in understanding the textbook. Serving as a language bridge, they can help the student to maintain his or her normal rate of progress in each subject area. The material presented was compiled and adapted from high school texts in order that the terms and concepts would be applicable to standard secondary textbooks and so that a similar curriculum would be followed. Although these supplements are not without some imperfections, it is hoped that they will be a major asset to the student and the teacher.

Each handbook in the series is composed of two parts, Basic Concepts and Glossary of Technical Terms. Part I, Basic Concepts, contains brief "lessons" pertaining to the appropriate subject area. These lessons provide key concepts of the subject presented in summary form. Preceding the Vietnamese or Khmer summaries are outlines of the lessons in English meant to serve as a content guide for the teacher. In the Mathematics Supplement, Part I is made up of geometry postulates and theorems instead of the lessons found in the other booklets.

Part II, Glossary of Technical Terms, can be used as a special dictionary. Technical terms pertinent to the subject area are presented in English followed by the Vietnamese (or Khmer) equivalent and an extensive description of the term, with examples when necessary, in Vietnamese (or Khmer).

It is hoped that these booklets will serve as tangible aids to help Indochinese students progress in their education, thereby increasing their chances for a better future in the United States.

Đỗ Đình Tuấn
Former Assistant Professor
Faculty of Letters
University of Saigon

TỰA

Cuốn sách nhỏ bé này thuộc loại tài liệu bổ túc dành cho học sinh trung học Việt Nam tại các trường Mỹ. Nó không thay thế được sách giáo khoa dùng trong các trường mà chỉ giúp học sinh hiểu được sách giáo khoa và học môn học chuyên môn dễ dàng hơn.

Phần I Khái Niệm Căn Bản gồm nhiều bài, mỗi bài chỉ trình bày sơ lược những khái niệm căn bản của một đề tài chứ không đi vào chi tiết. Riêng cuốn Toán Học, phần này được thay thế bằng phần Định Lý Hình Học vì học toán cần nhiều bài tập hơn là lý thuyết và Định Lý chính là phần căn bản cần phải thấu triệt. Học sinh Việt nam nên đọc hết mỗi bài trước khi học bài tương tự bằng Anh Ngữ, với đầy đủ chi tiết và bài tập, trong lớp học hoặc trong sách. Phần Khái Niệm Căn Bản này được mở đầu bằng bản liệt kê bằng Anh Ngữ những đề tài trong các bài học. Giáo sư có thể nhìn vào bảng này để hiểu nội dung các bài học trong sách, học sinh có thể dùng như một mục lục chi tiết.

Phần II Danh Từ Chuyên Môn có thể dùng như một tự điển chuyên môn nghĩa là khi gặp phải chữ Anh Ngữ không hiểu thì mở ra mà tra cứu. Tuy nhiên, vì phần này tự nó cũng rất đầy đủ với định nghĩa hoặc thí dụ bằng Việt Ngữ, nên nó có thể được học từ từ theo đà với chương trình học nếu học sinh xét thấy một số danh từ nào đó cần để hiểu bài giảng của giáo sư trong lớp học và hiểu được bài trong sách. Phần này được soạn theo nhiều sách giáo khoa trung học Mỹ nhưng cũng không khỏi thiếu sót.

Mong rằng cuốn sách nhỏ bé này sẽ giúp các học sinh trung học Việt Nam tiến mạnh trong việc thâu thập kiến thức, không thua kém ai, và như vậy, có thể bảo đảm được phần nào tương lai của thế hệ trẻ Viet Nam tại Hoa Kỳ.

Đỗ Đình Tuân
Nguyên Giảng-Sư Đ.H. Văn Khoa Sàigon

PART I

Khái niệm căn bản

Basic Concepts

ENGLISH OUTLINES OF HISTORY LESSONS

BASIC CONCEPTS

LESSON 1. PURITANISM: A MISSION ON TRIAL

-The decline of Puritan power
-The Puritan legacy - the Puritan ethic

LESSON 2. AMERICAN INDEPENDENCE: A STUDY IN REVOLUTION

-The many interacting forces causing revolution
-The British point of view
-The rebels' point of view
-An attempt at compromise
-The problem of taxation
-Locke's doctrine of natural rights
-The economic limitations of the colonies
-The conflict within the colonies
-The new nation based on the Declare of Independence

LESSON 3. THE NEW REPUBLIC: A STRUGGLE FOR UNITY AND DEMOCRACY

-The evolving of a new system of government
-The framing of the constitution
-The 3 branches of government
-Election practices

LESSON 4. SLAVERY

-Origin and development of slavery in America
-The situation of the negro prior to the Civil War
-The Abolition movement
-The legacy of slavery

LESSON 5. CIVIL WAR: THE TESTING OF UNION

-The issues of states rights and slavery
-The faulty interpretation of the war by Americans
-The damaging emotional effects of the war
-The purpose and meaning of the war expressed in the Gettysburg Address

LESSON 6. THE BLACK EXPERIENCE: THE NEGRO STRUGGLE FOR ACCEPTANCE

-The banning of racial discrimination in war industries
-Laws not implemented
-Achievements of Blacks as segregation prevailed
-The first and second reconstructions

LESSON 7. THE FRONTIER: EXPANSION'S IMPACT ON AMERICAN DEVELOPMENT

-The definition of the American after the revolution
-Individualism as a principle American characteristic
-The importance of the availability of land
-The effects of industrialism
-Frontier and Urban living

LESSON 8. THE CITY

-The U.S. as industrialized and urbanized in the beginning
-The problems and challenges of the city
-The dilemma of American cities today

LESSON 9. THE AMERICAN ECONOMY

-The effect of the railroad
-The achievement of self sustaining growth
-The beginning of grant coorporation and the factors favoring the "captain of industry".
-The drastic changes in America : population, business.

LESSON 10. RESPONSE TO INDUSTRIALISM

-Reform rather than over-throw of the economic system
-Description and goals of various groups working for change
-The differing views of Roosevelt Wilson

LESSON 11. EUROPEAN RELATIONS: CONFLICTS OVER NEUTRALITY

-American isolationism before and after World War I

LESSON 12. HEMISPHERIC RELATIONS: FROM PATTERNALISM TO PARTNERSHIP

-Indifference to conflict to cooperation
-American economic and political involvement in the Western Hemisphere

LESSON 13. ASIAN RELATIONS : CHALLENGES OF IMPERIALISM

-Open Door Policy
-Japan as a world power
-Increased American involvement in Asian affairs
-The U.S. as a Pacific Power
-The Rise of Asian Nationalism

LESSON 14. THE 1920'S : CONFLICT IN VALUES

- American pluralistic society
-The fight against change
-The stock market crash.

LESSON 15. DEPRESSION AND THE NEW DEAL: A STUDY OF GOVERNMENT'S ROLE

- Drawbacks of the New Deal
- Increased Government involvement and bureaucracy
- The idea deficit financing
- Attention to Conservation
- Minimum welfare and security as a right

LESSON 16. ORIGINS OF WORLD CONFLICT: TOTALITARIANISM

- Pearl Harbor : the end of isolationism
- U.S. isolationism as a possible factor in World War II

LESSON 17. WORLD WAR II - THE RESPONSE TO AGRESSION

- Soviet vs. Anglo-American objectives at the end of the war
- The legacies of the war : good and bad

LESSON 18. THE U.S. POLICY OF LEADERSHIP AND DEFENSE OF THE "FREE WORLD"

- The revisionist historians' view of the cold war
- Another historical view : the U.S. as a wise power
- The end of "free security"

LESSON 19. AMERICA AFTER WORLD WAR II: STABILITY AND CHANGE

- The emergence of civil rights issues
- The effects of Sputnik I
- The ignoring of important changes in the 50's
- The 60's as the transition period.

LESSON 20. CONTEMPORARY FOREIGN POLICY: INTERNATIONAL CHALLENGES

- The deadlock of the nuclear threat
- Power shifts among the major alliances
- De Gaulle's plan for France's role in Europe
- The occupation of Czechoslovakia
- The Berlin wall
- The relaxation of tensions between the U.S. and the Soviet Union.
- The Third World

LESSON 21. TOWARD THE FUTURE: CHALLENGES OF THE 1960's AND 1970's

- A brief summary of the changes the U.S. has experienced and what the future holds.

BÀI 1

PURITANISM: A MISSION ON TRIAL

THANH GIÁO: SỨ MANG ĐẦY THỬ THÁCH

Thanh Giáo

Cuộc thí nghiệm Thanh giáo đã thất bại không duy trì được một xã hội căn bản độc nhất trên một mô tiêu chuẩn và tín điều. Các thuộc địa gồm một ít tín đồ đích thực đã phát triển mau chóng, lôi kéo rất nhiều người tới vì lý do kinh tế cũng như vì lý do tín ngưỡng. Trong khi thuộc địa thịnh vượng thì người ta dành nhiều thì giờ quan tâm đến vấn đề thế tục hơn. Vì người dân ngày càng ít để tâm tới những vấn đề tôn giáo nên uy quyền của giáo hội Thanh giáo trong việc duy trì thần quyền chặt chẽ của những người Thanh giáo đầu tiên đã suy giảm.

Nhưng Thanh giáo không hoàn toàn chết hẳn. Nhiều người Mỹ vẫn giữ những giáo lý thần quyền dưới một hình thức nào đó. Người Thanh Giáo tin rằng những con người tự do có thể đảm nhiệm nhiều trách nhiệm chính trị hơn; điều này đã góp phần phát triển nền dân chủ Mỹ. Tư tưởng Thanh giáo cho rằng mọi người dân phải được giáo dục để có thể tự tìm được chân lý tôn giáo trong Thánh kinh đã thay đổi trở thành lý tưởng của người Mỹ là mọi người phải được giáo dục để có thể bỏ phiếu một cách khôn ngoan.

Cùng với sự chú trọng của Thanh giáo về làm việc tích cực lập thành tích cá nhân và về một quy tắc luân lý nghiêm khắc, những truyền thống trên đã được tóm tắt bằng danh từ "đạo lý Thanh giáo". Đạo lý Thanh giáo nêu ra một lối sống và đối với người Thanh giáo thì một đời sống tốt có nghĩa là con người phải làm việc hết khả năng, phải thành công trong công việc, phải thi hành những nghĩa cử để làm đẹp cộng đồng, đồng thời phải cẩn trọng tránh mọi cám dỗ.

Dù đạo lý Thanh giáo bị chỉ trích nhiều, nhất là về xu hướng luân lý rộng rãi và ý định thành công về vật chất, nhiều người khác đã chủ trương người Thanh giáo phải nỗ lực thiết lập một quy tắc bắt con người phải có trách nhiệm với chính mình và với người lân cận. Thành quả của Thanh giáo là sự dấn thân theo đuổi những lý tưởng cao đẹp, là luân lý, là lòng kiên nhẫn và sự cần cù, đó là những đức tính quyết định trong việc kiến thiết nước Mỹ.

Clinton Rossiter, một giáo sư về chính trị Mỹ đã thấy rằng trong sự nghiệp Thanh giáo có nền tảng luân lý của tự do và dân chủ. Ông viết:

".... chúng ta không bao giờ được quên, nhất là trong thời đại nổi loạn và chán chường này, rằng nền dân chủ Mỹ thẳng thắn dựa trên giả thuyết là người dân vốn ngoan đạo, lương thiện, tự biết giữ kỷ luật và có đạo đức. Với tất cả những nhược điểm, những do dự; với tất cả quãng đường còn phải đi qua, nền dân chủ Mỹ trước nay và hiện đang là một cuộc hành trình tinh thần cao độ... Thanh giáo là mục đích của lương tâm Mỹ, nhấn mạnh trách nhiệm cộng đồng đứng trước tự do cá nhân, chế độ hiến pháp trước chế độ dân chủ, trật tự trước tự do. Nếu nền dân chủ đã phát triển trong những tiểu bang này, mạnh mẽ như ở bất cứ nơi nào trên thế giới, chính là vì chúng ta vẫn đang rút tỉa được sức mạnh tinh thần của Thanh giáo. (* Trích trong cuốn "Cuộc cách mạng đầu tiên của Mỹ" của Clinton Rossiter; 1956, nhà xuất bản Harcourt, Brace & World, Inc., trang 94. Có phép của nhà xuất bản cho trích đăng.)

BÀI 2

AMERICAN INDEPENDENCE: A STUDY IN REVOLUTION

ĐỘC LẬP HOA KỲ: HỌC TẬP CÁCH MẠNG

Cách mạng là hậu quả của nhiều thế lực tác động nhau. Những thế lực đóng góp vào cuộc cách mạng chỉ là sự hãnh diện, sự thù hận, sự nhục nhã và sự khiêu khích. Sự tuyên truyền của cả hai bên thường che mờ tình cảm đích thực của những thế lực đối lập nhau. Rất có thể là chính phủ Anh tính sai lòng quyết tâm của những người Mỹ nổi loạn, đồng thời những người này hiểu sai ý định của chính phủ Anh.

Theo quan điểm của người Anh, mọi công dân của đế quốc Anh, dù sống trong thuộc địa nào, đều là công dân Anh và bị chi phối bởi luật pháp và đặc quyền của Chính phủ Anh. Vì Hoàng đế Anh đã ban hiến chương thiết lập các thuộc địa và có thể coi là đã chú tâm đến những lợi ích của toàn thể Đế quốc, các công dân của Đế quốc phải sẵn sàng chấp nhận đế quyền.

Các nhà lãnh đạo Anh, trong khi chiến đấu chống lại những kẻ nổi loạn, đã tin rằng mình đang phụng sự luật pháp và trật tự. Vụ phe nổi loạn phá hoại trà của Công ty Đông Ấn đã gây ra một chuỗi vụ biến động trong đó người dân và nhân viên chính phủ bị khủng bố, tài sản bị phá hoại, và luật pháp của Quốc hội bị thóa mạ công khai.

Người Anh cũng đi tới chỗ coi những người đi lập thuộc địa là ích kỷ và cứng đầu. Trong suốt giai đoạn thuộc địa, những người đi lập thuộc địa đã hưởng lợi quan trọng.

Nhờ là thành phần của đế quốc Anh. Vì việc phát triển và sống còn của các thuộc địa được quân lực Anh bảo đảm, việc các thuộc địa từ chối không chịu đóng góp vào chi phí điều hành đế quốc Anh khiến người Anh coi là vô ơn.

Tuy nhiên, mặc dù những sự việc trên, chính phủ Anh cố gắng dàn hòa với những người đi lập thuộc địa. Khi họ chống luật Tem, luật này bị bỏ. Khi thấy những luật Townshend cũng có vẻ khiêu khích không kém, một lần nữa Chính phủ Anh lại nhượng bộ. Mãi tới sau "Đại hội Trà" ở Boston, những viên chức ít chịu dàn hòa mới thắng thế và thi hành một chính sách đàn áp hơn.

Phe nổi loạn có một quan điểm khác về Đế quốc. Đa số công nhận quyền của Hoàng đế Anh trên các thuộc địa, nhưng họ không đồng ý rằng Quốc hội có quyền lập pháp đối với các thuộc địa về tất cả mọi vấn đề, nhất là về thuế má. Họ lý luận là theo hiến pháp Anh, Quốc hội không có quyền thông qua luật đối với tiểu bang Massachusetts chẳng khác gì Quốc hội Massachusetts không có quyền thông qua luật đối với nước Anh. Một thần dân Anh, dù ở Anh hay ở Mỹ, chỉ có thể bị đánh thuế bởi một cơ quan đại diện cho mình. Ở các thuộc địa bên Mỹ, cơ quan này là những quốc hội của các thuộc địa.

Ngoài việc chứng minh lập trường bằng cách viện dẫn hiến pháp Anh, những người nổi loạn còn viện dẫn chủ thuyết Locke, vì những quyền tự nhiên của con người. Locke đã viết rằng, thần dân bất cứ một quốc gia nào đều có quyền sống, quyền tự do, và quyền có tài sản; những quyền tự nhiên đó không một chính phủ nào có thể xâm phạm mà không gặp nguy hiểm cho chính mình, và nếu chính phủ thành hà khắc và từ chối không cho dân hưởng những quyền tự nhiên đó, lúc đó bổn phận người dân là phải lật đổ chính phủ.

Lập trường kinh tế của những người nổi loạn dựa trên lòng tin của họ là chính sách của chính phủ Anh làm trở ngại cho sự phát triển thuộc địa. Dù miền Tây có tiềm năng phát triển lớn mạnh, dân định cư không được phép vượt rặng núi Appalachians về phía tây.

Sự kiện	Năm	Thang	Năm	Sự kiện
		1600		
			1607	Thành lập thành phố Jamestown
Quốc hội Burgesses của t.bang Virginia	1619			
			1620	Văn kiện Mayflower (ký trên hải thuyền Mayflower có nội dung dân quyền và cai trị theo đa số).
Hiến pháp "trật tự căn bản" của bang Connecticut	1639			
			1644	Luật bao dung của bang Maryland
	1650	1650		
	1660			
			1661-64	Người Anh chinh phục Hòa Lan
	1663			
Luật hàng hải	1673			
			1676	Vụ nổi loạn của Bacon
			1681	Thành lập bang Pennsylvania
	1696			
		1700		
			1701	Hiến chương tự do của bang Pennsylvania
Thành lập bang Georgia (bang cuối cùng trong 13 thuộc địa ở Mỹ)	1732			
			1734	Phiên xử John Peter Zenger
		1750		
			1754	Quốc hội Albany
Đại chiến cho Đế quốc	1754-63			
			1763	Hiệp ước Paris - Vụ nổi loạn của Pontiac Tuyên ngôn 1763
Luật Tem	1765			
Luật Townshend	1767			
			1770	Vụ thảm sát ở Boston
* Đại hội Trà ở Boston	1773			
			1774	Luật cưỡng ép Quốc hội Liên bang Đệ nhất
Quốc hội Liên bang Đệ Nhị	1775			
			1776	Xuất bản văn kiện "lương tri" Tuyên ngôn độc lập
Trận Saratoga	1777			
			1778	Liên minh Pháp
Cornwallis đầu hàng tại Yorktown	1781			
			1783	Hiệp ước Paris
		1800		

* Dân Boston mặc giả làm dân da đỏ, quẳng trà của người Anh xuống bến.

Tương tự như vậy, sự kinh doanh thuộc địa dưới hình thức thương mại, sản xuất hàng hóa, khai thác đất đai bị giới hạn bằng những quy chế chỉ cho phép phát triển về canh nông thôi, mà ít chú ý đến những địa hạt khác. Các nhà kinh doanh sẽ có lợi lớn nếu họ được tự do buôn bán bất cứ ở đâu và với bất cứ ai.

Đến năm 1775, những mâu thuẫn này hình như không dung hòa được và cuộc xung đột về quyền bính ở thuộc địa trở thành một cuộc xung đột vũ trang. Dù người ta thường cho cuộc Cách mạng Mỹ là một cuộc chiến đấu giữa Anh quốc và các thuộc địa, nó cũng còn là một cuộc tranh chấp giữa hai thành phần ở trong nội bộ các thuộc địa.

Những người quý phái thuộc địa, được hưởng thụ của cải và địa vị dưới luật pháp Anh, rõ rệt sẽ bị thiệt thòi nhiều nếu có thay đổi xã hội mạnh. Họ chống đối những người chủ trương cải cách là một phương tiện cải tiến tình trạng xã hội và kinh tế. Như thế cuộc Cách mạng Mỹ được coi là một cuộc tranh chấp xem ai sẽ cai trị thuộc địa, đồng thời cũng là một cuộc tranh đấu giành quyền tự trị của thuộc địa.

Cuộc cách mạng Mỹ bắt đầu với sự chuyển hóa các người định cư Âu châu thành ra người Mỹ, biến thành một vấn đề nhân quyền và những quyền chính trị căn bản, và kết cục bằng chiến thắng quân sự.

Kết quả là một tân quốc gia được thành lập căn bản trên những tín điều được nói rõ trong bản Tuyên Ngôn Độc Lập là mọi người sinh ra đều bình đẳng, là Đấng Sáng Tạo đã ban cho họ những quyền bất khả nhượng, đó là quyền sống, quyền tự do, quyền theo đuổi hạnh phúc. Để chấp hành những quyền này, các chính phủ được thiết định giữa người với người có quyền chính đáng do sự thỏa thuận của người được cai trị.

THE NEW REPUBLIC: A STRUGGLE FOR UNITY AND DEMOCRACY

TÂN CỘNG HÒA: TRANH ĐẤU CHO ĐOÀN KẾT VÀ DÂN CHỦ

Những chính khách Mỹ đầu tiên chiến đấu đặt vấn đề: "Quốc gia phải được cai trị như thế nào?" đã không phải bao giờ cũng tìm được giải pháp thích hợp nhất cho sự diễn tiến tương lai của chính phủ. Tuy nhiên, những năm đầu tiên của Mỹ có nhiều thành công hơn thất bại. Sau một lần đầu sai lầm, các tiểu bang liên hợp với nhau dưới một chính phủ và người ta đã đạt đến sự trung thành với lý tưởng quốc gia. Đến thời nhiệm kỳ Tổng Thống Jackson, một chế độ chính phủ được xúc tiến, cho phép công dân tham gia về chính trị nhiều hơn bất cứ thời nào trước đó.

Nhiều thế lực đã góp phần vào sự diễn tiến này. Việc soạn thảo Hiến Pháp là bước đầu quan trọng để đề ra một khuôn khổ cho Tân Chính Phủ Liên Bang. Sự lớn mạnh của quan điểm quốc gia và lòng trung thành với Liên bang trong thời kỳ này đã tạo ra một không khí thuận lợi cho việc phát triển Chính phủ Liên bang.

Các đảng phái chính trị mọc lên cũng cho phép người dân có phương tiện tham gia hoạt động chính trị và bày tỏ ý kiến mình. Vì Tổng Thống trở thành lãnh tụ đảng và cũng là Quốc trưởng của Quốc gia, nên Ông có nhiều quyền hơn, đồng thời đáp ứng được ý nguyện quần chúng nhiều hơn. Trong khi Tổng Thống là người có trách nhiệm lớn nhất trong việc thực hiện ý nguyện đại chúng. Tối Cao Pháp Viện trở thành cơ quan có trách nhiệm lớn nhất trong việc bảo vệ Hiến Pháp như luật tối thượng của quốc gia và trong việc bảo đảm những quyền được bảo đảm trong Hiến Pháp không bị xâm phạm.

Nền dân chủ được mở rộng tiếp theo những diễn biến trên. Nhưng mặc dầu những thay đổi trong thủ tục bầu cử, như việc đặt ra đại hội chỉ định ứng viên, việc bỏ điều kiện có tài sản mới được đi bầu ở nhiều tiểu bang; chế độ chính trị

hồi đó vẫn chưa được hoàn toàn dân chủ như chúng ta quan niệm ngày nay. Nhiều loại công dân không được đi bầu như: phụ nữ, người da đỏ, người da đen dù là nô lệ hay được tự do. Những thế lực đã tạo nên nền dân chủ kiểu Jackson đã thức tỉnh nhiều người Mỹ về những bất bình đẳng này, và sự phản đối của những thế lực ấy là một thử thách nghiêm trọng nhất đối với liên bang.

1780 – 1790 – 1800 – 1810 – 1820 – 1830

Vụ nổi loạn của Shays	1786
Đại hội Annapolis	
Duyệt y Hiến-pháp	1787-90
Tuyên ngôn trung lập	1793
Vụ nổi loạn Whiskey	1794
Hiệp ước Jay	
John Adam nhậm chức	1797
Tuyển cử (Jefferson được Nghị viện bầu)	1800
Marbury và Madison	1803
Vụ mua bang Louisiana	
Chiến tranh 1812	1812-14
Hiến chương Đệ Nhị Ngân-hàng Mỹ	1816
James Monroe nhậm chức	1817
McCulloch và Maryland	1819
(Adams được Nghị-viện tuyển cử bầu)	1824
John Quincy Adams nhậm chức	1825
Đảng dân chủ khai sinh	
Andrew Jackson nhậm chức	1829

1781	Điều khoản Liên Bang
1787	Đại Hội Hiến Pháp
1789	George Washington tựu chức
1791	Chấp nhận Tuyên Ngôn Nhân Quyền Hiến chương Đệ Nhất Ngân Hàng của Mỹ
1794-95	Các đảng chính trị nổi lên
1798	Tu chính thứ II Luật ngoại nhân và tác loạn
1801	Thomas Jefferson tựu chức
1804	Tu chính thứ 12
1809	James Madison nhậm chức
1815	Đảng Liên Bang cáo chung
1816-28	Gia hạn đầu phiếu tại nhiều bang

BAI 4

SLAVERY: A QUESTION OF SOCIAL SCIENCE

NÔ LỆ: VẤN ĐỀ LƯƠNG TÂM XÃ HỘI

Chế độ nô lệ ở các thuộc địa

		1600		
Nhập cảng những nô lệ đầu tiên	1619			
		1650	1650-70	Hợp pháp hóa chế độ nô lệ
		1700		
Nô lệ nổi loạn ở Đô Thị Nữu-Ước	1712			
			1739	Vụ mưu loạn Cato
Crispus Attucks chết trong vụ thảm sát ở Boston	1770			
			1773	Xuất bản thơ của Phillis Wheatly

Chế độ nô lệ ở Mỹ

		1780		
			1780-86	Bãi bỏ chế độ nô lệ trong sáu bang miền Bắc
			1790	thỉnh nguyện giải phóng đầu tiên gửi tới Quốc hội
Xuất bản tập lịch của Benjamin Banneker	1791			
			1793	Phát minh máy cán bông Luật nô lệ đào tẩu liên bang đầu tiên
Âm mưu Gabriel		1800		
Bãi bỏ việc mua bán nô lệ Phi Châu	1808			
			1815-60	Đường xe lửa ngầm
Thành lập Hội Thuộc địa Mỹ	1817			
		1820	1820-40	Ban bố luật "tự do cá nhân" trong những bang miền Bắc
Thành lập xứ Liberia	1821			
Âm mưu nô lệ của Denmark Vesey	1822			
			1827	Xuất bản tờ "Tạp chí của Tự do" (Tờ báo đầu tiên của người da đen)
Vụ nổi dậy của Nat Turner Xuất bản tờ Người giải phóng	1831			
			1833	Thành Lập Hội chống Chế độ Nô Lệ Mỹ.
Vụ giết Elijah Lovejoy	1837			
		1840		
			1846	Phát minh chảo bốc hơi của Nobert Rillieux (Kỹ thuật lọc đường cải tiến)
Luật nô lệ đào tẩu Cấm buôn bán nô lệ trong quận Columbia	1850			
			1852	Xuất bản cuốn "Căn phòng của cậu Tom"
Dred Scott vs Sandford	1857			
			1859	Cuộc hành quân của John Brown lên tàu Harper's Ferry
		1860		

Chương này mở đầu với câu chuyện một người da đen bị chết trước sự thản nhiên của chủ. Cho đến năm 1860, số phận những người da đen trong xã hội Mỹ không còn là một vấn đề "thản nhiên" nữa. Đó là một vấn đề luân lý, xã hội, kinh tế và chính trị đã chia rẽ sâu xa cả quốc gia. Những người đi lập thuộc địa mua những nô lệ đầu tiên không thể thấy trước những hậu quả bi thảm sẽ xẩy ra.

Chế độ nô lệ khởi sinh ở Mỹ không có một chương trình nhất định. Tuy nhiên, trong vòng năm mươi năm, những điều luật đã được khai triển khiến cho việc giữ nô lệ làm động sản được cở chế hoá. Dù vậy mãi tới thời kỳ chiến tranh Cách mạng, chế độ nô lệ vẫn chưa gắn chặt với đời sống xã hội, chính trị, kinh tế của vùng khu vực nào đặc biệt của quốc gia. Việc phát minh ra máy cán bông, sự truyền bá nghề trồng bông ra những vùng đồng phì nhiêu của miền tây nam, sự miễn cưỡng của những người chủ nô lệ miền Nam không chịu nhiệm ý từ bỏ việc xử dụng nhân công nô lệ - tất cả kết hợp lại để đánh bại những nỗ lực bãi bỏ chế độ nô lệ.

Những nô lệ ở Mỹ phải sống một đời rất ít, nếu có, phần thưởng và hy vọng. Một số nô lệ cam chịu, số khác lựa chọn tẩu thoát, nổi loạn và phá hoại làm phương tiện bảo vệ nhân phẩm. Nhiều nô lệ được huấn luyện về những nghề đòi tài khéo, nhưng dù họ tiến bộ về chuyên môn và kiến thức, họ vẫn không thể đảm bảo cho gia đình họ một cuộc sống tốt đẹp hơn hoặc chia xẻ giấc mơ giàu mạnh kinh tế của người Mỹ.

Gần 450,000 người da đen được tự do một nửa trong những năm trước cuộc nội chiến. Ở miền Nam, những người da đen tự do này có quyền có tài sản, quyền nuôi gia đình, nhưng lại bị từ chối quyền tự do chính trị và dân sự là những quyền tất nhiên đối với người da trắng. Ở miền Bắc, người da đen mới được trả tự do cũng không khá gì nhiều hơn vì thành kiến của người da trắng và vì sự cạnh tranh kinh tế gay go thêm bởi những người di dân mới tới.

Mặc dù không khí thù địch nói chung đối với những người Mỹ đen, phong trào bãi bỏ chế độ nô lệ mạnh thêm trong thập niên trước khi cuộc nội chiến bùng nổ. Những người chủ trương bãi bỏ chế độ nô lệ dùng vận động, phản kháng và ngay cả bạo động để thức tỉnh quốc gia cần phải hành động. Khi người theo đông thêm trong số dân da trắng, họ sắp đặt nền tảng cho cuộc xung đột sẽ xảy ra tiếp theo.

Chế độ nô lệ cáo chung trong cuộc nội chiến, nhưng ảnh hưởng còn tồn tại. Ngày nay, người ta còn cảm thấy và còn bàn cãi về ảnh hưởng của chế độ nô lệ đối với người Mỹ da đen và da trắng.

Những vấn đề được đặt ra là một phần di sản quốc gia của chúng ta và có một vai trò trong đời sống hàng ngày của mỗi người dân Mỹ.

BÀI 5

CIVIL WAR: THE TESTING OF UNION

NỘI CHIẾN: THỬ THÁCH TINH ĐOÀN KẾT

Sau gần ba phần tư thế kỷ hiện hữu, nước Mỹ nhận thấy rằng đoàn kết đôi khi là một điều mong manh. Những vấn đề về quyền tiểu bang và chế độ nô lệ sau hết trở thành chia rẽ đến nỗi hình như không thể hoà hợp được. Trong khi miền Bắc đông dân hơn chứng tỏ có thể áp đảo ý chí của mình lên miền Nam qua cuộc bầu Lincoln làm Tổng thống, thì miền Nam cảm thấy chế độ kinh tế và xã hội của mình bị tấn công, bèn lựa chọn gây căng thẳng trong liên hệ với Liên Bang. Vấn đề phe nào là "đúng", sợi giây sau cùng sẽ được giải quyết bằng chiến tranh.

Việc người Mỹ quan niệm về nội chiến ra sao cũng quan trọng như chính cuộc nội chiến vậy. Nếu người Mỹ có khả năng đối phó với sự tàn phá của chiến tranh và thành tâm đáp ứng lời kêu gọi dấn thân cho quốc gia thì lịch sử cuộc tái thiết và việc hòa hợp sắc tộc có lẽ đã diễn tiến một cách thực tế hơn và về lâu dài cũng đỡ đau thương hơn.

Nhưng mãi tới gần đây, ít ra người Mỹ cũng đã lựa chọn quên đi những khía cạnh đau khổ của cuộc Nội chiến. Lịch sử Mỹ đã nhấn mạnh hào quang chói lọi của những trận đánh lừng lẫy hơn là về sự tàn nhẫn, sự khổ đau, sự đổ máu vô ý thức trong cái mà một nhà văn đã gọi là: "hào quang vô ý thức về cuộc đời truy tạm thời của nền văn minh Mỹ."

Hơn 600.000 người chết vì cuộc chiến này và hàng ngàn cái chết đã xảy ra một cách tội tình nhất, vì y học hồi đó còn tương đối đơn sơ. Tổn thất về tình cảm còn nặng nề hơn tổn thất về sinh mạng. Người Mỹ có kinh nghiệm sâu xa về sự thù ghét cay đắng của chiến tranh. Sự dã man của chiến tranh làm nảy sinh sự thù ghét và thành kiến kéo dài mãi cả hơn một trăm năm sau. Nhưng chiến tranh có hoàn đạt được điều gì tích cực không? Ngày nay với chúng ta nó có ý nghĩa gì không?

		1790		
			1798	Quyết nghị Kentucky và Virginia
		1810		
Đại hội Hartford	1814			
			1820	Vụ hòa giải Missouri
"Thuế xuất đáng ghét"	1828			
		1830		
			1832	Vụ tranh luận về "Vô hiệu hóa"
Đảng Tự do thành lập	1839			
			1846	Điều ước Wilmot
Vụ hòa giải 1850	1850	1850		
			1853	Franklin Pierce nhậm chức
Luật Kansas-Nebraska Đảng Cộng Hòa khai sinh	1854			
			1856	"Kansas đổ máu"
James Buchanan nhậm chức Vụ tấn công Thượng nghị sĩ Charles Sumner	1857			
			1858	Lincoln-Douglas tranh luận
			1861	Thành lập Liên bang Abraham Lincoln nhậm chức Nổ súng vào pháo lũy Sumter
Tuyên ngôn giải phóng trận đánh Gettysburg và Vicksburg	1863			
			1864	Sherman tiến quân qua Georgia
Đại tướng Lee đầu hàng Lincoln bị ám sát Andrew Johnson lên làm Tổng Thống.	1865			
		1870		

Hơn bất cứ người Mỹ nào khác, từ hồi đương thời ông đến nay, Abraham Lincoln đã định nghĩa mục đích và ý nghĩa của Nội chiến và nhiệm vụ mà cuộc xung đột đã để lại cho các thế hệ mai sau. Tại Gettysburg, nơi ông tặng một nghĩa địa quốc gia cho hàng ngàn tử sĩ trẻ tuổi ở miền này, Lincoln nói:

"... Chúng ta không thể tặng - chúng ta không thể hiến - chúng ta không thể sắc phong mảnh đất này. Nhưng con người quả cảm, đang sống hay đã chết, đã chiến đấu ở đây, đã hiến phong mảnh đất này, vượt lên trên quyền năng nghèo nàn của chúng ta. Thế giới sẽ không để ý nhìn, cũng không nhớ lâu cái gì chúng ta nói ở đây, nhưng thế giới không bao giờ có thể quên những gì họ đã làm ở đây. Chính là cho chúng ta, những người đang sống mà những tử sĩ đã cao cả chiến đấu ở đây để hiến tặng sự nghiệp chưa hoàn thành này mà họ đã cao cả hoằng dương. Chính là cho chúng ta mà chúng ta hiến tặng cho sự nghiệp vĩ đại trước mắt chúng ta - mà theo gương những tử sĩ vinh quang, chúng ta càng thêm tận tâm với chính nghĩa mà các tử sĩ đã hy sinh - chúng ta tại đây quyết tâm khẳng định rằng các tử sĩ không chết vô ích, rằng quốc gia này, dưới sự dẫn dắt của Thượng đế, sẽ lại khai sinh ra tự do, rằng một chính phủ của dân, bởi dân, vì dân sẽ không mai một đi được trên trái đất này.

BÀI 6

THE BLACK EXPERIENCE: THE NEGRO STRUGGLE FOR ACCEPTANCE

KINH NGHIỆM DA ĐEN: NGƯỜI DA ĐEN TRANH ĐẤU ĐỂ ĐƯỢC CHẤP NHẬN

1. Những yếu tố chính trong chủ nghĩa quốc gia của Marcus Garvey là gì?
2. Cuộc khủng hoảng kinh tế đã có những hậu quả nào đối với thái độ chính trị của nhiều người da đen?

Quyết định của Tổng Thống Franklin D. Roosevelt trừ khử sự kỳ thị chủng tộc trong các kỹ nghệ chiến tranh đến ngày khoảng hơn 75 năm sau khi người da đen đã được trả tự do. Nhiều lãnh tụ dân quyền da đen, da trắng đã hoan nghênh mệnh lệnh này của hành pháp, coi như bước đầu của một kỷ nguyên mới của tự do tại nước Mỹ.

Tuy nhiên, các phép lệnh, dù chi tiết đến đâu, cũng có thể gây hiểu lầm. Hàng loạt những tu chính hiến pháp và luật dân quyền mà Quốc hội thông qua sau cuộc nội chiến, ban hành bình đẳng hoàn toàn và đầy đủ quyền công dân cho người da đen không được Chính phủ Liên Bang thi hành. Và một khi Tối Cao Pháp Viện đã chấp thuận một loạt những luật phân biệt tiểu bang thì nhiều người Mỹ da trắng đã đi tới chỗ chấp nhận sự phân biệt kỳ thị và ưu thế của người da trắng là tiêu chuẩn quốc gia.

Trong những thập niên đầu thế kỷ hai mươi, người da đen ở miền Bắc dần dần có chút sức mạnh chính trị. Một số phục vụ trong các chức vụ chính phủ quan trọng. Họ dùng ảnh hưởng của họ chiến đấu chống sự kỳ thị. Hơn nữa, tài năng của các tác giả, các nghệ sĩ, nhạc sĩ da đen được cả thế giới và cả nước Mỹ công nhận. Nhưng những thành tích này chỉ có một thiểu số rất nhỏ người da đen đạt được quảng đại quần chúng, người da đen, sống ở vùng quê miền Nam và các khu ổ chuột ở các đô thị miền Bắc, sống ngột ngạt trong nghèo túng, thất học, và kỳ thị chủng tộc. Sự phân biệt bằng luật pháp hoặc tập quán hãy còn thịnh hành.

Trong thời kỳ tái thiết thứ nhất, những người Mỹ da đen đạt được tự do và được quyền công dân, nhưng lại khổ sở rơi vào nạn chủng tộc và kỳ thị kinh khủng. Thời kỳ tái thiết thứ hai trong thập niên 1950 và 1960 sẽ thử thách xem lý tưởng quốc gia của Mỹ về tự do, bình đẳng có thắng nổi những đạo luật những thái độ và tập quán khiến cho những người Mỹ da đen thành ra một loại công dân đệ nhị cấp.

1860

Dự luật Wade-Davis 1864

Luật Dân quyền 1866

Andrew Johnson bị truy tố 1868
Chuẩn y tu chính thứ 14

Chuẩn y tu chính thứ 15 1870
Người da đen đầu tiên được
bầu Thượng Nghị Sỹ Mỹ
(Hiram Revels)

Thành lập viện Tuskegee 1881

Chủ thuyết "những ngón tay 1895
riêng biệt" của Booker T.
Washington

Phong trào Niagara 1905

Thành lập liên minh thành 1911
thị
Cuộc đại di dân 1915

Trung đoàn da đen được 1918
vinh thưởng chiến công
bội tinh

Trục xuất Marcus Garvey 1927

Thẩm phán liên bang da đen 1937
đầu tiên (William Hastie)

Người da đen đầu tiên được 1939
giải "Oscar" (Hattie McDaniel)

1890

1920

1950

1865 Chuẩn y tu chính thứ 13

1867 Đảng Klu Klux Klan nổi loạn
Luật tái thiết

1869 Ulysses S. Grand tựu chức

1875 Luật dân quyền

1877 Vụ hòa giải 1877
(Chấm dứt cuộc tái thiết)
Rutherford B. Hayes nhậm chức

1883 Những vụ án Dân quyền

1890-1910 Ban hành Luật pháp
Jim Crown ở miền Nam

1896 Plessy và Ferguson

1903 Xuất bản cuốn "Những linh
hồn dân da đen" của W.E.B.
Dubois

1909 Thành lập hội NAACP (Hội
quốc gia thăng tiến dân da màu

1916 Thành lập Hội thăng tiến
người da đen

1919 Mùa hè đỏ
1920-30 Phục hưng Harlem

1925 Tổ chức Phu khuân vác toa xe,
Phòng ngủ và Nghiệp đoàn đầy
tớ gái

1930 Thành lập Phong trào Hồi
Giáo da đen

1938 Missouri cửu hạ
(về vấn đề bình quyền học vấn
cho người da đen)
Gaines và Gia nã đại

1941 Thành lập Ủy ban Thực thi
Nhân Dụng Bình Đẳng

BÀI 7

THE FRONTIER: EXPANSION'S IMPACT ON AMERICAN DEVELOPMENT

BIÊN CƯƠNG: ẢNH HƯỞNG CỦA SỰ BÀNH TRƯỚNG ĐỐI VỚI NỀN PHÁT TRIỂN HOA KỲ

Trận đánh Fallen Timbers, 1974
(Tướng Anthony Wayne thắng quân da đỏ)

Vụ mua bang Louisiana 1803

Những cuộc thám hiểm của 1805-08
Pike

Trận Tippecanoe 1811

Vụ nhượng Florida 1819

Phủ quyết việc tái hiến 1832
chương ngân hàng Mỹ
Chiến tranh diều hâu đen

Chiến tranh Texas giành 1836
độc lập

William Henry Harrison 1841
nhậm chức
John Tyler lên làm Tổng
Thống

Hiệp ước Oregon 1846

Vụ nhượng Mễ tây Cơ 1848
Tìm được vàng ở California

Millard Fillmore lên làm 1850
Tổng Thống
Luật Morrill 1862
(Dự luật Homestead)

Hoàn thành đường xe lửa 1869
đại lục đầu tiên
Cuộc thám hiểm trắc địa
đầu tiên của John Wesley
Powell
Chiến tranh Sioux thứ hai 1875-76

Phong trào dành đất 1889
Oklahoma

1780

1810

1840

1870

1890

1781, 1785, 1787
Những nghị quyết Tây Bắc
(qui định chính quyền địa phương)

1804-06 Cuộc thám hiểm Lewis và Clark.

1810-13 Xáp nhập miền Tây Florida

1814 Trận Horseshoe Bend

1830 Phủ quyết dự luật Lộ Maysville
Dự luật loại da đỏ

1833 Phủ quyết dự luật Cấp Đất

1835-42 Chiến tranh Seminole thứ 2

1837 Martin Van Buren nhậm chức

1845 Xáp nhập Texas
James K Polk nhậm chức
Cuộc nổi loạn Cờ Gấu

1846-48 Chiến tranh Mỹ-Mễ tây Cơ

1849 Zachary Taylor nhậm chức

1853 Vụ mua Gadsden

1865-85 Thời đại vương quốc mục súc

1871-86 Chiến tranh Apache

1886-87 Mùa đông đại nạn

1890 Đóng biên giới

Ít lâu trước cuộc Cách Mạng Mỹ, Hector St. John de Crevecoeur, một di dân Pháp trở thành nông dân Mỹ, đã tự đặt và cố gắng trả lời câu hỏi: "Vậy người Mỹ là cái gì? Con người mới này là cái gì?" Crevecoeur xác định tính cách độc đáo của người Mỹ là cá nhân chủ nghĩa sơ khai đã phát triển ngoài vòng kiềm tỏa của những cộng đồng đã được thiết lập. Những nhà trí thức khác, như sử gia Frederick Jackson Turner, cũng coi chủ nghĩa cá nhân ở biên cảnh như là chìa khóa cho đặc tính và luân lý Mỹ.

Theo Turner, chủ nghĩa cá nhân và cơ hội kinh tế phát xuất từ quyền chủ hữu đất của cá nhân. Tư tưởng này thành nền tảng cho những chính sách của các Tổng Thống Jefferson và Jackson, cả hai ông đều nỗ lực bảo đảm quyền có đất cho người định cư, đồng thời cho cá nhân quyền tự do rộng rãi nhất đối với pháp luật và mọi hạn chế của chính phủ. Cũng giống như Turner về sau này, cả hai ông cho rằng chủ nghĩa cá nhân của người nông dân độc lập ở vùng biên cảnh sẽ định đoạt tính chất của dân chủ, tự do và bình đẳng tại nước Mỹ.

Cuộc nội chiến nổ ra phần nào là để gìn giữ những lãnh thổ chưa được định cư cho người nông dân độc lập. Người miền Bắc và miền Tây lo sợ cuộc tây tiến của chế độ nô lệ sẽ giới hạn phạm vi đất đai dành cho những cá nhân định cư, trong khi người miền Nam lý luận rằng các chủ nô lệ cũng có quyền giành đất mới ở miền Tây. Nông dân đình chỉ sự bành trướng chế độ nô lệ nhưng chỉ sau khi được sự trợ giúp của các đường xe lửa, các kỹ nghệ, các nguồn tài chính miền Đông Bắc, sau này sẽ chi phối đời sống nông dân tại vùng biên cảnh cuối cùng.

Người nông dân biên cảnh nhỏ bé, độc lập, tiến đến vùng biên cảnh chót thì gặp lúc kỹ nghệ bộc phát và không còn đất mới để hắn tiến xa thêm về miền Tây nữa. Hắn trở thành tùy thuộc vào thị trường miền đông để tiêu thụ

mùa màng hắn trồng trọt, vào đường xe lửa để chuyên chở mùa màng tới thị trường, vào nhà băng để mượn tiền tài trợ. Trong một nền kinh tế ngày càng hổ tương phụ thuộc, hắn bị những thế lực bên ngoài hắn chỉ huy, phải tổ chức những hội đoàn nông dân và phải tích cực xin Chính phủ giúp đỡ. Đến cuối thế kỷ, con cái hắn rời ra thành thị, và đặc tính miền quê Mỹ là có nhiều thành phố nhỏ hơn là những nông trại cô quạnh.

Ngày nay, người Mỹ sống trong một thời đại xung đột quốc tế, đô thị phát triển, những vấn đề quốc gia chồng chất về nạn nghèo túng và xung đột chủng tộc, những cơ cấu quân sự và thủ lại hành chánh mỗi ngày mỗi phức tạp. Viết trong giai đoạn chuyển tiếp từ xã hội biên cảnh sang xã hội thành thị, Frederick Jackson Turner đã công nhận rằng những điều kiện khiến cho người sống còn nơi biên cảnh có thể không áp dụng hoàn toàn được trong xã hội kỹ nghệ thành thị. Turner viết vào cuối thế kỷ hai mươi:

" Vấn đề bức thiết là từ kinh nghiệm dân chủ ở miền Tây họ giữ được những lý tưởng nào, và họ đã có đủ động lực để sinh tồn trong những điều kiện khác hẳn thời ban đầu không? .... Dưới những hình thức dân chủ Mỹ, thực ra có tiến triển một sự tập trung quyền lực kinh tế và xã hội trong tay tương đối một thiểu số khiến cho dân chủ chính trị thành ra một hình thức hơn là một thực tế không? Đã hết rồi thời đất chiếm không. Những sức mạnh vật chất làm sinh lực cho nền dân chủ miền tây đã qua rồi. Chúng ta phải nhìn vào địa hạt tinh thần, vào lãnh vực lý tưởng và vào nền lập pháp để tìm ảnh hưởng của miền Tây trong nền dân chủ của chính thời đại chúng ta.

THE CITY: THE NATION'S NEW FRONTIER

ĐÔ THỊ: BIÊN CƯƠNG MỚI CỦA QUỐC GIA

Vào cuối thế kỷ 19, rõ ràng là cuộc sống biên cảnh không còn là một sắc thái đặc biệt nổi bật của nước Mỹ như trước đó. Nhưng ảnh hưởng còn lại của cuộc sống biên cảnh chỉ còn ở trong tâm khảm của người Mỹ chứ không còn mô... thức cụ thể nào. Trong suốt thế kỷ 19, nước Mỹ đã đều đặn tiến bộ về kỹ nghệ hóa và đô thị hóa, đó là lý do của sức mạnh và ảnh hưởng mà Mỹ đã đạt được trong thế kỷ 20.

Người Mỹ tiền phong định cư tại vùng biên cảnh đã gặp và thắng được vô số trở ngại. Những người di cư về miền tây để chinh phục vùng biên cảnh trước sự thù nghịch của người da đỏ, gặp bệnh hoạn đau ốm và những hoàn cảnh sống rủi ro là những người quả cảm và tài ba nhất. Nhưng trong khi mở mang thành phố, người Mỹ đã gặp những thách đố nếu không lớn hơn thì cũng không kém gay cấn. Những vấn đề đông dân, ô nhiễm, sống trong khu ổ chuột chính trị thối nát, trọng tội, và cảnh phản mỹ quan đã thử thách và tiếp tục thử thách tài khéo và lòng kiên nhẫn của người Mỹ và ý chí quốc gia Mỹ.

Ngày nay, người Mỹ đối diện với các vấn đề đô thị chồng chất và to lớn một cách bức thiết hơn dù bản chất những vấn đề ấy không thay đổi mấy. Người da đen, người Puerto Rico, người Mễ tây Cơ, và những người thiểu số khác đã thay thế những nhóm di dân hồi xưa trong các nhà ổ chuột.

Xe hơi và nhà máy đã tuôn đầy không khí với những chất hơi nguy hiểm. Xe hơi ứ đọng các phố xá, trọng tội vẫn thách thức cảnh sát, các chính quyền thành phố vẫn làm phật lòng các nhà chính trị, và nhiều vùng đô thị vẫn có vấn đề phản mỹ quan. Tìm giải pháp cho những vấn đề này để cho các thành phố trở thành những nơi người ta có thể sống xứng đáng và tiện nghi đã trở thành một thách đố mới cho cả nước.

		1800		
			1807	Mở đầu thời đại xưởng máy
Khai mạc đường rầy Santa Fe	1821			
Mở đầu thời đại xe lửa	1830	1830		
			1833-37	Hiện tượng bộc phát đất đai ở Chicago
Phát minh điện tín	1844			
			1847	Giáo phái Mormon định cư ở Utah
Thành lập thành phố Seattle	1851			
			1858	Thành lập Công viên Trung Ương
Thành lập thành phố Denver	1859			
		1860		
			1865-90	Nước Mỹ đô thị hóa rất nhanh
Thiết định những toà nhà chung cư đầu tiên	1867			
			1871	Triển lãm Tweed Ring
Xe điện đầu tiên ở San Francisco	1873			
			1876	Phát minh điện thoại
Phát minh đèn điện	1879			
			1880	Thành phố Mỹ đầu tiên đạt tới dân số 1 triệu (Nữu Ước) Mở đầu đợt di dân "mới"
Jane Addams thành lập Sở An Cư Hull House	1889			
		1890	1890	Xuất bản cuốn "How the Other Half Lives" của Rii
Lilian Wald thành lập Sở An Cư tại phố Henry	1893			
			1897	Bắt đầu hệ thống xe lửa ngầm ở Boston
Khai sinh ra chính phủ địa phương dưới hình thức ủy viên	1901			
			1908	Khai sinh kế hoạch quản lý thành phố
		1901		

Bản báo cáo của tiểu bang Đô thị ra đời năm 1937 đã tóm gọn những khó khăn của các thành phố Mỹ như sau:

" Đã nhiều lúc vấn đề đô thị hình như là mối thất vọng của nước Mỹ, nhưng nhiều lúc cũng là niềm hy vọng, là chiến trường của nền dân chủ. Chắc chắn rằng, về lâu dài, số mệnh của nước Mỹ sẽ chịu ảnh hưởng sâu xa của các thành phố đã chiếm tới 2/3 dân số và tài nguyên quốc gia. Người ta được tự do phát triển ở những nơi cô lập, hoang vu, nhưng người ta cũng được tự do trong cuộc sống nhiều mặt ở thành thị, tại đây ai cũng có thể tìm được lối sống riêng cho mình. Có dân chủ trong số ít người sống rải rác, nhưng cũng có dân chủ trong số đông có đồng cơ quan thiết và nhu cầu thiết tha được chính đáng tham dự vào những thắng lợi của văn minh. Đất đai phong phú của miền quê bát ngát rất màu mỡ và sáng tạo, nhưng sự màu mỡ và sáng tạo cũng có dưới hình thức các kỹ nghệ, nghệ thuật, nhân phẩm, đang mọc lên từ các phố xá thị thành và vươn cao tới trời xanh.

Mặt trái của các thành phố Mỹ không phải là những xấu xa của sự đồi truy hiển nhiên, mà ở sinh lực ngồn ngộp lách mình tiến lên dưới sức ép kinh khủng - đó là nạn hồng thủy chứ không phải nạn hạn hán. Thành thị vừa là sân chơi lớn, vừa là chiến trường lớn của đất nước.

BAI 9

THE AMERICAN ECONOMY: FROM COMMERCE TO CAPITALISM

NỀN KINH TẾ MỸ: TỪ THƯƠNG MẠI TỚI CHẾ ĐỘ TƯ BẢN

Đầu thế kỷ 19, nước Mỹ là một nước nông nghiệp. Trong những thập niên trước cuộc Nội chiến, nước Mỹ bành trướng nhanh về tất cả mọi ngành trong khi đất đai vùng biên cảnh được định cư, nông nghiệp được cơ khí hóa, những tài nguyên mới được khám phá và phát triển và một hệ thống chuyên vận rộng lớn được xây dựng. Việc mở mang đường xe lửa thành công đã khuyến khích các nhà đầu tư trong nước và ngoài nước đem tư bản đầu tư vào tương lai kỹ nghệ của quốc gia trẻ tuổi này.

Sau cuộc nội chiến, nền kinh tế quốc gia lớn mạnh tự cung được. Những công ty lớn mọc lên và đương nhiên kiểm soát toàn thể các kỹ nghệ như dầu và thép. Nhờ những đường xe lửa và các thủy lộ, lục lộ nối liền các vùng khác nhau trong nước nên thị trường quốc nội đã mở rộng cho các công ty này. Trong khi cuộc kỹ nghệ hóa tiến triển, tỷ lệ bách phân những người Mỹ làm nghề nông giảm dần; đến năm 1890 chỉ vào khoảng một nửa dân số làm nghề nông mà thôi.

Khó mà lượng định được ảnh hưởng của những người như Rockefeller, Carnegie, và Morgan đối với cuộc phát triển kỹ nghệ của quốc gia. Họ tượng trưng cho sự thay đổi từ nền thương mại địa phương sang nền thương mại có thị trường toàn quốc, từ những xưởng máy nhỏ sang những nghiệp vụ lớn gồm tất cả mọi tiến trình sản xuất, từ những công ty có khả năng tài chánh hạn định sang những công ty có tầm mức triệu phú.

Tuy nhiên, sang đầu thế kỷ 20, những thành tích vĩ đại của những nhà kỹ nghệ khổng lồ như vậy bị lu mờ đi vì sự tập trung đáng sợ về quyền hành ở trong tay một thiểu số. Công ty Standard Oil and U.S. Steel (Dầu tiêu chuẩn và thép Mỹ) là công ty lớn nhất trong nhiều công ty lớn khác.

Các ngành khác cũng được củng cố như đường, thuốc lá, thịt hộp, vải vóc, máy móc nông cụ, gỗ, và dĩ nhiên đường xe lửa.

Làm sao Công ty Standard Oil, U.S. Steel và các liên hợp khổng lồ khác có thể thành công lớn lao như vậy trong một thời gian ngắn đến thế? Ta phải kể đến nghị lực không ngừng và tài năng thương mại của những nhà doanh thương như Carnegie và Rockefeller, đến lý tưởng tự do cạnh tranh, nhờ đó họ không bị ràng buộc bởi quy chế của Chính phủ trong gần suốt thế kỷ. Các yếu tố khác cũng quan trọng không kém so với những "thuyền trưởng kỹ nghệ" này là tài nguyên phong phú, nhân công do đám di dân vô hạn định cung cấp, vốn có thể mượn được sẵn sàng, các tiến bộ kỹ thuật, và sự rộng lượng thường bị bỏ quên của Chính phủ Liên bang. Hơn nữa, các nhà tư bản có thể kiếm cách xử dụng công ty để tổ chức những liên hiệp lớn nhằm tự vệ chống lại sự xuống giá, sự xung đột hối xuất, và tất cả những chiến thuật "luật rừng" khác đảm bảo sự sống còn kinh tế cho ai thích hợp nhất.

Dù Chính phủ nỗ lực giới hạn sự kinh doanh lớn và làm tăng lợi xuất của các nhà thương mại cạnh tranh nhỏ, cũng không thể nào lật ngược được khuynh hướng củng cố doanh thương. John D. Rockefeller đã tiên đoán đúng: "Phong trào này là nguồn gốc toàn thể hệ thống quản lý kinh tế mới. Nó đã cách mạng phương cách doanh thương trên toàn thế giới. Thời đại đã chín mùi. Phong trào đó phải tới, dù hiện thời ta chỉ thấy nhu cầu tự cứu ra khỏi những điều kiện lãng phí... phong trào liên hợp đã tới để ở lại chủ nghĩa cá nhân đã chết, không bao giờ trở lại nữa."

Sự đe dọa ghê gớm của đại doanh thương rất đáng sợ đối với những người sinh trưởng ở nước Mỹ nông nghiệp với những nông trại và buôn bán nhỏ.

Cuộc cách mạng kinh tế đã quá phổ quát và quá nhanh khiến cho nhiều người không lãnh hội được. Từ một quốc gia nông trại, Mỹ ngày càng trở thành một quốc gia đô thị. Từ một quốc gia dân số chính là người Ăng-lô Sac-xông và Bắc Âu, Mỹ đã trở thành trú quán của những người Si-la-vic, người Ý và người Đông phương. Từ một quốc gia của những chủ trại và thương mại nhỏ, Mỹ đã trở thành một quốc gia với những nông trại cơ khí hoá lớn và những công ty khổng lồ.

Sự thay đổi kinh tế này rất sâu xa và làm đảo lộn truyền thống thời xưa, sẽ mang lại một giải đáp.

Sự kiện	Năm	Trục	Năm	Sự kiện
		1770	1776	Xuất bản cuốn "Tài sản các nước" của Smith
Các chương trình tài chánh của Hamilton được chấp nhận	1789-91		1793	Xây dựng nhà máy của Slater
Phát triển các cổ phần thay nhau được	1798	1800	1807	Tàu chạy hơi nước Clermont của Fulton.
Mở kênh đào Erie	1825	1830	1830	Đầu máy xe lửa Tom Thumb của Cooper
Máy gặt của McCormick	1831		1835	Súng lục Colt, được cấp bằng sáng chế
Tranh chấp về Đệ Nhị Ngân Hàng Mỹ	1832-33		1837	Cuộc hải hùng năm 1837
Luật Ngân khố Độc lập	1840		1844	Phát triển phương thức lưu hóa (làm cho dai hơn)
Phát minh máy khâu	1846		1847	Phát minh máy in quay tròn
Thành lập Bộ Nội Vụ	1849		1852	Phát minh thang máy
Phát triển phương thức Bessemer	1856		1857	Khám phá ra dầu ở Titusville, thuộc bang Pennsylvania
Thành lập Bộ Canh Nông (được nâng lên hàng Bộ của Chính phủ, năm 1889)	1862	1860	1864	Phát triển toa xe phòng ngủ của Pullman
Xuất bản cuốn "Những nguyên tắc Đầu tiên (căn bản cho thuyết Tiến hóa xã hội Darwin)" của Spencer			1870	Tổ chức Hãng Dầu Tiêu Chuẩn Standard Oil
Thành lập Công ty mở mang miền Nam	1871		1872	Thành lập Công ty Thép Carnegie
James Garfield nhậm chức và bị ám sát	1881		1885	Grover Cleveland nhậm chức
Chester Arthur lên làm Tổng Thống			1887	Luật Thương mại Liên bang
Benjamin Harrison nhậm chức	1889	1890	1890	Luật Chống Tổ hợp Sherman
William McKinley nhậm chức	1897		1900	Xuất bản cuốn Phúc Âm Tài Sản của Carnegie
Thành lập Công Ty Thép Hoa Kỳ	1901	1910		

BÀI 10

RESPONSE TO INDUSTRIALISM: REACTION AND REFORM

ĐÁP ỨNG CUỘC KỸ NGHỆ HÓA: PHẢN ỨNG VÀ CẢI CÁCH

Đối với chủ nghĩa kỹ nghệ hóa, nước Mỹ có giải đáp cấp tiến hơn là cách mạng, vì đa số người Mỹ (gồm nông dân, công nhân và các nhà cải cách) đều thường chấp nhận chế độ xí nghiệp tư hữu. Khi chủ nghĩa tư bản trở thành độc quyền và bóc lột, người Mỹ hoạt động để cải cách chế độ kinh tế hơn là để lật đổ chế độ ấy.

Các tổ chức xã hội tìm cách thay đổi chế độ bằng cách cho chính phủ có quyền làm chủ các xí nghiệp tư. Nhưng đa số các nhóm công đoàn muốn cải tiến chế độ tư bản hơn là hoạt động chống chế độ tư bản. Lãnh tụ Công đoàn Liên bang Mỹ tránh né các phong trào cấp tiến và gìn giữ để Công đoàn ở ngoài chính trị, có đặc tính cá nhân chủ nghĩa, trung ương tản quyền và cương quyết ủng hộ chủ nghĩa tư bản chống lại chủ nghĩa xã hội.

Cuộc cách mạng Mác-xít của giai cấp công nhân chỉ được một thiểu số cực nhỏ cổ võ.

Ngay cả những người thuộc phong trào Bình dân hăng hái cũng không là những nhà cách mạng. Thực ra, phong trào Bình dân là phong trào cuối cùng của các nông dân. Ở thế kỷ 20, nông dân trở thành một trong những lực lượng bảo thủ nhất ở Mỹ. Họ đã cổ động cải cách ở trong các đảng Cộng Hoà và Dân Chủ, dùng nhóm áp lực và các nhóm bầu cử quốc hội hơn là phản đối chính trị để thăng tiến quyền lợi của họ.

Căn bản của giải đáp của nước Mỹ đối với nghĩa kỹ nghệ hoá là ở sự tin tưởng rất tiến bộ rằng con người không bị ràng buộc bởi những truyền thống hồi xưa, cũng không bị xác định bởi những luật bất dịch, rằng các xã hội,

các chính phủ, các chế độ kinh tế có thể được cải tiến và chỉnh đốn. Bởi vậy cả hai Tổng Thống Theodore Roosevelt và Woodrow Wilson đều hoạt động để đem lại vô số cải cách. Roosevelt nỗ lực làm cho doanh thương lớn phải tuân theo những quy luật cạnh tranh, trong khi Wilson cố gắng nhằm đem lại nhiều tự do hơn cho nhà tư bản nhỏ bé. Trong cả hai trường hợp, phương cách họ đề cao cải cách cũng quan trọng như chính những luật cải cách. Cả hai vị Tổng Thống đều thận trọng tránh không xúc phạm giai cấp doanh thương; đặc biệt là Roosevelt đã thiết lập sợi giây liên lạc gần gũi, thân mật với các nhà lãnh đạo doanh thương của quốc gia.

Thế chiến thứ nhất chấm dứt thời đại cấp tiến và tiếp theo đó là một thời kỳ tự do cạnh tranh không giới hạn. Luận lý của tự do cạnh tranh được Tổng Thống Coolidge diễn tả rất rõ trong lời tuyên bố sau đây: " Doanh thương của nước Mỹ là doanh thương". Nhưng những nhà cấp tiến đã chứng minh rằng nền doanh thương Mỹ cũng quan tâm tới con người. Đó là bài học mà các lãnh tụ của quốc gia phải nhớ tới trong những lúc mà sự an ninh của con người bị đe dọa.

EUROPEAN RELATIONS: CONFLICTS OVER NEUTRALITY

NGOẠI GIAO VỚI ÂU CHÂU: Ý KIẾN BẤT ĐỒNG VỀ TRUNG LẬP

Trong suốt thế kỷ 19 người Mỹ tin rằng về địa lý họ ở xa Âu Châu nên họ được an toàn không sợ ngoại quốc can thiệp. Cũng như George Washington, đa số chú trọng rằng Mỹ phải lợi dụng sự biệt lập địa lý này và tránh xa các sự gây gổ, thù nghịch của các cường quốc Âu châu. Quyết định này cho phép dân chúng dùng tài nguyên để phát triển nội địa hơn là để sản xuất võ khí, đó là lý do của sự lớn mạnh kinh tế có một không hai của quốc gia.

Dù người Mỹ cổ võ một chính sách ngoại giao biệt lập chủ nghĩa, không phải họ luôn luôn trung thành với chủ nghĩa này. Năm 1812 họ có chiến tranh chống lại nước Anh để bảo vệ quyền thương mại của Mỹ như một quốc gia trung lập. Và dù họ giữ thái độ biệt lập đối với Âu châu trong suốt những năm còn lại của thế kỷ 19, chính sách ngoại giao Mỹ đối với Châu Mỹ La Tinh và Á Châu có sắc thái can thiệp và bành trướng.

Đến đầu thế kỷ 20, Mỹ càng ngày càng thấy khó và cuối cùng không thể giữ thái độ biệt lập khỏi các vấn đề Âu Châu. Năm 1917 và 1918, quân đội Mỹ được gửi sang Âu châu để chấm dứt thế chiến thứ nhất và để "làm cho thế giới an toàn để phát triển dân chủ". Trong bản hiệp ước Versailles chấm dứt chiến tranh, Woodrow Wilson cố gắng sáng lập một cơ quan, đó là Hội Quốc Liên, để làm cho sự can thiệp võ trang trong tương lai thành ra không cần thiết.

Tuy nhiên, vào năm 1920, rất ít người Mỹ chấp nhận sự kiện là nước họ đã rời bỏ lập trường biệt lập, để giữ một chỗ đứng trong các vấn đề quốc tế, và không thể rút lui mà không làm nguy hại thế quân bình sức mạnh ở Âu Châu và sau cùng, ngay cả quyền lợi của Mỹ nữa. Những thay đổi do Thế chiến Đệ nhất mang lại khiến cần có sự thay đổi chính sách ngoại giao Mỹ. Sự thay đổi này đã không xảy ra. Ngược lại, Hiệp ước Versailles đã được để cho chết tại Thượng viện.

Không có gì chắc chắn là sự tham dự của Mỹ vào Hội Quốc Liên có thể đã tránh được Thế chiến Thứ hai. Nhưng vì Mỹ là nước dân chủ mạnh nhất thế giới, có thể đã hướng dẫn các nước hội viên của Hội và sức mạnh kinh tế và quân sự của Mỹ có thể đã làm tăng sức nặng cho các quyết định của Hội. Đúng như sử gia Arthur Link đã nói, sự thất bại của Mỹ sau thế chiến I đã "làm buồn cả thế giới".

1790

Chiến tranh Nã phá Luân 1803-14

Sắc lệnh Milan 1807
Trận tấn công tàu Chesapeake của Mỹ

Dự luật của Macon số 2 1810
Chiến tranh 1812 1812-14

Thỏa ước Rush-Bagot 1817
Đại hội 1818 1818

1820

Hiệp ước với Nga về Biên giới Alaska 1824

Hiệp ước Oregon 1846

1850

Vụ Trent 1861

Hiệp ước Hoa thịnh Đốn 1871

1880

Hội nghị Congo 1885

Vụ tranh chấp biển Bering 1892

Hội nghị Hòa bình thứ nhì ở Hague 1907

Vụ ám sát Archduke Ferdinand 1914

Cam kết của Đức sau khi tàu Pháp Susse bị thủy lôi 1916

Diễn văn của Ngoại trưởng Đức Zimmermann 1917
Mỹ can thiệp vào Thế chiến I

Hội nghị Hòa bình Ba lê Schenk và Hoa Kỳ 1919

1920

1796 Diễn văn từ biệt của Tổng Thống Washington

1806 Sắc lệnh Bá Linh

1808 Luật Phong tỏa ngoại thương

1809 Luật cấm chỉ ngoại thương

1814 Hiệp ước Ghent
1815 Trận đánh New Orleans

1823 Bá cáo Chủ thuyết Monroe

1842 Hiệp ước Webster-Ashburton

1869-72 Vụ đòi bồi thường tuần dương hạm Alabama

1877 Đại hội Halifax

1891 Những vụ treo cổ Mafia

1899 Hội nghị Hòa bình thứ nhất ở Hague

1908-09 Các hiệp ước "xoa dịu"

1914-18 Thế chiến I
1915 Cam kết của Đại sứ Đức sau vụ tàu Arabic bị đánh chìm

1918 Bá cáo Cuộc đình chiến 14 điểm

1919-20 Xung đột về hiệp ước (Quốc hội bác hiệp ước Tổng Thống Woodrow Wilson k[illegible])

BÀI 12

HEMISPHERIC RELATIONS: FROM PATERNALISM TO PARTNERSHIP

BANG GIAO NỘI BÁN CẦU: TỪ CHÍNH SÁCH CHỈ HUY TỚI CHÍNH SÁCH HỢP TÁC

Bang giao giữa Hoa kỹ với các quốc gia vùng Tây Bán Cầu (Châu Mỹ) đã chuyển từ giai đoạn lạnh nhạt tới giai đoạn tranh chấp và cuối cùng là giai đoạn hợp tác gia tăng. Mặc dầu các nhà lãnh đạo Hoa Kỹ ngay từ đầu đã sớm nhận thấy có sự bang giao đặc biệt giữa Hiệp chủng Quốc và các Cộng Hòa Châu Mỹ La Tinh (Nam và Trung Mỹ) và đã cảnh cáo các cường quốc Tây phương không được thuộc địa hóa và can thiệp vào vùng Tây bán cầu, mãi tới cuối thế kỷ 19, Hoa Kỹ mới thực sự đảm nhận vai trò bảo vệ vùng này.

Tuy nhiên, tiếp theo cuộc chiến tranh Mỹ - Tây (Hoa Kỹ và Tây ban Nha), Hiệp chủng quốc đã trở thành "Cảnh sát viên" và người bảo vệ của vùng này, đồng thời với việc can thiệp mỗi ngày một nhiều hơn vào công việc của các nước lân bang. Các Tổng Thống Theodore Roosevelt, William Howard Taft, Woodrow Wilson, và Calvin Coolidge đã không ngần ngại gửi quân tới các quốc gia vùng biển Caribbes (Trung Mỹ) khi các quốc gia này bị đe dọa bởi các cuộc khủng hoảng kinh tế và bất ổn chính trị. Các Tổng Thống Hoa kỳ nói trên cũng bênh vực những hành động này và cho rằng đó là cần thiết để tránh sự can thiệp của Âu châu và bảo vệ các quyền lợi kinh doanh và tài sản của Hoa kỹ.

Mặc dầu chính sách can thiệp từ đó đã bị các nhà lãnh đạo Hoa Kỹ bác bỏ để thiên về chính sách hợp tác và hành động đa phương trước những đe dọa từ bên ngoài, một số những câu hỏi vẫn chưa được trả lời. Liệu Hoa Kỹ có thể để cho tình trạng bất ổn chánh trị và kinh tế tồn tại trong các nước lân bang hay không? Quyền lợi quốc gia Hoa Kỹ có va chạm với sự xuất hiện của

các Chính phủ vùng Tây bán Cầu do các nhà độc tài, những hội đồng quân nhân hay cộng sản điều khiển không?

Ngay cả ngày nay vẫn còn có vấn đề đặt ra liên quan tới sự bang giao của Hoa kỳ với các quốc gia khác trong vùng Tây bán Cầu vì chính sức mạnh và diện tích của Hoa Kỳ. Phần lớn người Mỹ tuy ủng hộ ý kiến hợp tác hay hữu hạp vì ý kiến này phù hợp với quan niệm dân chủ của họ về sự bình đẳng con người, nhưng trên 200 năm lịch sử Tây bán cầu đã chứng minh rằng sự hợp tác giữa các quốc gia có sức mạnh và diện tích không đồng đều là điều dễ nói hơn để thực hiện.

Dân chúng Châu Mỹ La tinh và Gia nã Đại chắc chắn còn đang lên tiếng lo ngại khi họ bày tỏ sự quan tâm của họ đối với những toan tính của Hoa Kỳ nhằm xen vào những công việc chánh trị và kinh tế của họ. Sự mong muốn của dân chúng Châu Mỹ La Tinh và Gia nã Đại được chia xẻ việc định đoạt số phận của Tây bán cầu phản ảnh một phong trào toàn cầu do các quốc gia yếu kém hơn xướng xuất đòi có ảnh hưởng nhiều hơn trong sinh hoạt quốc gia của họ. Nếu các quốc gia Tây bán cầu thành công trong việc thiết kế một phương thức hợp tác nào đó để mọi quốc gia có thể tham gia trong những quyết định có ảnh hưởng đến tương lai của quốc gia đó, thì việc này rất có thể trở nên một mẫu mực chung cho cả một hệ thống dựa trên căn bản hợp tác toàn cầu.

BÀI 13

ASIAN RELATIONS: CHALLENGES OF IMPERIALISM

BANG GIAO VOI A CHAU: THU THACH CUA CHINH SACH DE QUOC

Suốt trong phần lớn thế kỷ 19, Bang giao của Hoa Kỳ với Viễn Đông (Far East) đặt trọng tâm vào việc phát triển giao thương. Nhưng để thăng tiến các quyền lợi thương mại của quốc gia. Hiệp chủng quốc Hoa Kỳ lại bị mắc mỏ vào phong trào bành trướng đế quốc xuất phát từ việc Tây phương xâm lấn Đông Á vào cuối thế kỷ 18. Việc chia cắt lãnh thổ Trung Hoa do các cường quốc Tây phương áp đặt đã khiến cho Hoa kỳ năm 1900 phải biện hộ cho chính sách "cửa ngỏ" đối với Trung Hoa. (Trung Hoa phải mở các hải cảng cho tất cả các quốc gia giao thương trên căn bản bình đẳng).

Phong trào bành trướng đế quốc của Tây phương ở Trung Hoa đã khuyến khích người Nhật rũ bỏ cái dĩ vãng phong kiến của họ và khởi sự một chương trình rộng lớn canh tân xứ sở. Vào cuối thập niên thứ nhất của thế kỷ 20, Nhật bản chẳng những đã trở nên một quốc gia tân tiến mà còn được nhìn nhận là một cường quốc thế giới đã đánh bại đế quốc Nga trong một cuộc chiến tranh ngắn ngủi và đẫm máu. Nhưng khi Nhật bản bắt đầu mở rộng ảnh hưởng của mình tại Á châu, bang giao giữa Nhật bản và Hoa kỳ lạnh dần.

Sau Đệ nhất Thế chiến, những người có công canh tân hóa nước Nhật một cách nhanh chóng và đưa nước Nhật vươn lên hàng cường quốc thế giới đã bắt đầu rời khỏi sân khấu chính quyền. Họ đã bị thay thế bởi phe quân phiệt, quốc gia cực đoan nghiêng về chủ trương thiết lập hệ thống trị đối với Á châu. Để đối phó với sự đe dọa do nhóm này đặt ra, Hoa Kỳ đã đảm nhận một vai trò tích cực hơn trong nhiều sinh hoạt của Á châu.

Chủ nghĩa bành trướng của Nhật không phải là lý do duy nhất khiến Hoa Kỳ gia tăng sự chú ý đối với Á châu trong thế kỷ 20. Với việc thủ đắc Phi luật Tân và Ha-uy-Di, Hoa-Kỳ trở thành cường quốc Thái-bình-dương. Sau năm 1900, chính sách của Hoa Kỳ đã chịu ảnh hưởng bởi cả những tính toán quân sự lẫn các yếu tố kinh tế.

Từ khi loan báo chính sách "Cửa ngỏ" các nhà lãnh đạo Hoa kỳ đã luống công vô ích tìm cách tạo dựng một nước Trung Hoa thống nhất và ổn định hy vọng kiềm chế được các tham vọng của Nhật-bản tại Viễn đông cũng như để bảo đảm cho các nhà doanh thương Hoa kỳ có hội tiến tới thị trường Trung-Hoa trên căn bản bình đẳng với các nhà doanh thương của các quốc gia khác. Tuy nhiên vì thiếu ý chí bảo vệ chính sách "Cửa Ngỏ" của mình bằng sức mạnh, Hoa kỳ đã không thể kiềm chế được sự bất ổn chính trị đang dâng cao trong nội tình Trung-hoa. Ngay dù với cái vẻ bề ngoài ổn định do chế độ Quốc dân Đảng của Tưởng-giới-Thạch tạo ra trong thập niên 1920, thực sự các mục tiêu của Hoa kỳ đã không đạt được. Hành động xâm lăng của Nhật bản vẫn tiếp tục khiến không thể có hòa bình, điều mà Thống chế Tưởng giới Thạch rất cần có để loại trừ mối đe dọa đối với nền thống nhất của Trung hoa do cộng sản đặt ra. Mở đầu thập niên 1930, các cuộc xâm lăng của Nhật bản tại Viễn Đông dâng cao dần đã đẩy Hoa kỳ và Nhật bản đến chỗ phải đụng độ tại Thái bình Dương. Nếu chính sách của Hoa Kỳ đã thành công hơn trong việc đối phó với các vấn đề do phong trào bành trướng đế quốc của Tây phương và chủ nghĩa quốc gia Á châu thì có lẽ đã tránh được một sự đau sức và Hoa Kỳ có lẽ đã không phải dính líu vào các việc vụ của Á châu sâu đậm như ngày nay.

BÀI 14

THE 1920'S: CONFLICT IN VALUES

THẬP NIÊN 1920-30: BẤT ĐỒNG VỀ CÁC GIÁ TRỊ

Thập niên 1920-1929 là những năm mà các giá trị của Hoa Kỳ có vẻ ở trong tình trạng biến chuyển lớn lao khi mà những biến đổi bên trong xã hội đã mang lại lộn xộn, khuynh hướng đòi xét lại các giá trị, và thêm các mô thức văn hóa mới. Xã hội trung lưu, Tin lành và căn bản nông thôn của thế kỷ 19 dường như đang tan ra dưới sức mạnh của các làn sóng di cư, đô thị hoá và kỹ nghệ hoá. Một xã hội xưa kia khá thống nhất đã trở thành đa diện hơn bao gồm nhiều nhóm quốc tịch, tôn giáo, thái độ chính trị và lối sống khác nhau.

Sự thay đổi này lại không được chấp nhận bởi tất cả mọi người Mỹ. Việc di cư vào nước Mỹ đã hạn chế trong một cố gắng vô ích nhằm bảo vệ sự thống nhất văn hóa cổ xưa của thế kỷ trước. Đồng thời, các người Mỹ ở nông thôn đã giữ lập trường cố thủ chống lại phong trào đô thị hoá và vô số những tai họa xã hội mà họ đồng hoá với đời sống đô thị bằng cách hậu thuẫn cho chính sách cấm đoán và chủ trương giữ vững nền móng cũ. Họ cảm thấy và họ có lý do biện minh khá vững rằng sự tự do trí thức và xã hội có vẻ thịnh hành trong các đô thị đã đe dọa các niềm tin và lối sống của họ. Những con cái của họ vẫn đổi bỏ nông trại với con số một ngày một tăng mãi; chúng di cư về đô thị để kiếm công việc trong các nhà máy.

Các nhà máy thâu dụng con trai và con gái của các nông dân bên cạnh các di dân, ở đô thị đã sản xuất ra những sản phẩm làm thay đổi tận gốc về đời sống của người Mỹ. Những xí nghiệp mới đã tạo nên những số tiền lời khổng lồ, kết quả làm cho giá cổ phần tăng vọt và tạo nên một thứ văn hóa doanh nghiệp ăn sâu vào mọi mặt trong đời sống Mỹ. Sự dư dật kinh tế dường như

ở trong tầm tay của đa số người Mỹ và một xã hội đã thích chiếm đoạt thì lại đặc biệt trở nên tham lam hơn về duy vật hơn. Việc thị trường chứng khoán bị khủng hoảng đã đến để lớn tiếng nhắc nhở cho mọi người nhở rằng phát triển và tiến bộ phải đi đôi với nhẫn nại và tự chế.

Về nhiều phương diện, các nhược điểm của xã hội Mỹ trong thập niên 1920-1929 đã phản ảnh chính sức mạnh của xã hội đó. Những thái độ thiếu bao dung đã thất bại trong việc ngăn chặn tính chất đa diện của dân Mỹ, nhờ thế, thời đó cũng như bây giờ văn hóa và tinh thần dân tộc đã được phong phú hóa. Các cố gắng nhằm xén bớt quyền tự do cá nhân và trí thức đã không cản được các nhà văn Mỹ nói lên những điều chống lại những đầu óc hẹp hòi và thái độ cố chấp. Ngay cả khuynh hướng duy vật của thập niên nay cũng đã phản ảnh những tiềm năng của một hệ thống kinh tế dựa trên việc sản xuất đồng loạt, tạo nên thêm nữa sự dồi dào về hàng hóa và thời giờ rỗi rãi cho người dân trung bình.

BÀI 15

DPRESSION AND NEW DEAL: A STUDY OF GOVERNMENT'S ROLE

CUỘC KHỦNG HOẢNG KINH TẾ VÀ TÂN CHÍNH SÁCH: NGHIÊN CỨU VAI TRÒ CỦA CHÍNH PHỦ

Năm cực thịnh 1929, lợi tức của người Mỹ tổng cộng 85 tỷ Mỹ kim, bốn năm sau lợi tức cá nhân giảm xuống còn có 47 tỷ và trên 15 triệu nhân công thất nghiệp. Xí nghiệp khắp mọi nơi đều gặp khó khăn. Chính quyền Tiểu bang và địa phương bị tê liệt vì vấn đề cứu trợ. Tổng Thống Franklin D. Roosevelt đã đề ra chính sách kinh tế mới (New Deal) để giải quyết cuộc khủng hoảng kinh tế, nạn thất nghiệp, và việc cứu trợ.

Các nhà phê bình chính sách Kinh tế mới (New Deal) đã có lý khi nêu ra rằng mặc dầu chính phủ đã gia tăng hoạt động trong các vấn đề kinh tế, chính sách Kinh tế mới của Tổng Thống Roosevelt đã không phục hồi được cho quốc gia sự phồn thịnh của thập niên trước. Trong suốt thập niên 1930, thất nghiệp trung bình vào khoảng 10 triệu người; mãi tới năm 1941 vẫn còn trên 5 triệu rưỡi đàn ông và đàn bà đang kiếm việc. Lợi tức quốc gia tăng lên đều đều, nhưng mãi đến năm 1941 mới đạt được mức của năm 1929. Hơn nữa, các chương trình phục hồi trong chính sách kinh tế mới đã thất bại. không phục hồi nổi niềm tin của doanh nhân vào nền kinh tế, giả dĩ họ phải gia tăng đầu tư vào kỹ nghệ một cách đầy đủ để bành trướng sản xuất và tạo thêm nhiều việc làm mới, cả hai yếu tố này đều cần thiết cho sự phục hồi mạnh. Có được sự phục hồi chỉ là do chính phủ chi tiêu. Khi sự chi tiêu của chính phủ Liên bang giảm sút, như trong năm 1937, trong nỗ lực quân bình ngân sách, tình trạng thối lui kinh tế lại xảy ra.

Mặc dầu có những thất bại, chính sách kinh tế mới (New Deal) đã tạo ra một vai trò mới cho chính phủ Liên bang trong sinh hoạt kinh tế của quốc gia. Chính sách gác tay (của Chính phủ Liên bang) trong thập niên 1920 đã bị từ bỏ trước hết bởi Tổng Thống Hoover rồi đến Tổng Thống Roosevelt để nghiêng về khuynh hướng gia tăng can thiệp của chánh phủ vào doanh nghiệp và nông nghiệp. Tuy nhiên, sự kiện này có kết quả là phải tăng lên nhiều nha sở của chánh phủ va đã để ra cả một rừng giấy tờ thủ tục biến thành một trong những vấn đề khó khăn lớn cho một chính phủ hữu hiệu và có kết quả.

Trong cuối thập niên 1930, người ta đã bắt đầu ăn sâu tư tưởng này: sự thiếu hụt ngân sách (nghĩa là việc chính phủ chi tiêu nhiều hơn lợi tức kiếm được nhờ việc vay mượn được tiền). Có thể là một thủ khí giỏi mạnh mẽ trong kho võ khí chống nạn trầm trệ kinh tế của chính phủ. Tuy nhiên, mãi tới thế chiến thứ nhì, người Mỹ mới sẵn lòng để cho chính phủ của họ đi sâu vào nợ nần. Chính phủ thời chiến bơm nhiều tỷ Mỹ kim vào việc sản xuất các vật liệu chiến tranh, nạn thất nghiệp biến mất và sự phồn thịnh trở lại.

Một thành tích khác của chính sách kinh tế mới (New Deal) là đã đánh thức việc quan tâm của quần chúng đối với việc bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và nhân lực của quốc gia. Chính quyền này (Roosevelt) đã lưu ý nhiều hơn bất cứ chính quyền nào trước tới việc bảo tồn đất đai và mầu-mỡ cũng như sửa chữa lại những thiệt hại do sự xử dụng bừa bãi đất đai mà người ta đã gây ra trong nhiều năm trước. Các hậu quả khốc hại do điều kiện làm việc thấp kém, sự trả lương không xứng đáng và sự thiếu thể mặc cả của giới lao động cũng đã được nhìn nhận. Tuy nhiên, chính sách kinh tế mới đã bị buộc tội là đã sản xuất ra một xã hội ý thức giai cấp nhiều hơn vì chính sách kinh tế mới đã khuyến khích lao động thách đố với xí nghiệp.

Các chính sách và tinh thần hướng đạo chính sách kinh tế mới đã đánh dấu một cuộc cách mạng về thái độ đối với trách nhiệm của chính phủ với công dân của mình. Chủ nghĩa cá nhân của thời kỳ mở mang biên cảnh cũng như tinh thần tự cường dường như chẳng ăn nhằm gì với một quốc gia kỹ nghệ trong thời kỳ trầm trệ kinh tế. Trong ruột nhiều chương trình của chính sách kinh tế mới là sự tin tưởng rằng chính phủ Liên bang phải đảm nhận trách nhiệm bảo đảm một mức an ninh tối thiểu cho các công dân của mình như một quyền lợi phải được hưởng chứ không phải là một hành động bác ái. Sự chấp nhận của quảng đại quần chúng đối với tư tưởng này có lẽ là thành tích lớn lao nhất của chánh sách kinh tế mới (New Deal), vì sự chấp thuận đó đã cho phép Hoa kỳ bảo tồn được hệ thống chánh trị và kinh tế của mình đứng trước cái thảm họa kinh tế thường dẫn đến việc sụp đổ các chánh phủ dân chủ ở các nơi khác.

Mặc dầu chính sách kinh tế mới đã không làm được nhiều cho giới nghèo, giới không được tổ chức hoá hoặc ở dưới bậc thang cuối cùng của hệ thống kinh tế (như là dân da đen, tá điền, dân ổ chuột) nhưng đã nảy sinh được ý thức rộng lớn hơn về các vấn đề của họ và trách nhiệm của chính phủ đối phó với các vấn đề đó.

BÀI 16

ORIGINS OF WORLD CONFLICT: TOTALITARIANISM

NGUYÊN NHÂN CHIA RẼ THẾ GIỚI: CHẾ ĐỘ ĐỘC TÀI

Bình luận về vụ Trân châu Cảng (Pearl Harbour) ngay sau biến cố trọng đại đó, Nghị sĩ Arthur Vandenberg của Tiểu bang Michigan, người chủ trương chính sách cô lập hàng đầu trong thập niên 1930 và sau này lại đóng một vai trò quan trọng trong việc hình thành Liên hiệp Quốc, đã viết: "Theo ý kiến riêng tôi, niềm tin tưởng của tôi đối với sự hợp tác quốc tế và nền an ninh chung để đạt tới Hoà bình đã ăn sâu vững chắc vào buổi chiều cuộc tấn công Trân châu Cảng. Ngày đó đã chấm dứt chủ nghĩa cô lập đối với bất cứ ai có đầu óc thực tế". Với sự nhận xét này, Nghị sĩ Vandenberg đã làm nổi bật lên sự thay đổi trong chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ trong tương lai. Không còn cô lập với các hậu quả của xâm lăng ở các nơi khác, Hiệp chủng Quốc khó có thể rút khỏi trách nhiệm quốc tế, nếu không phải vì lý do gì khác với lý do an ninh quốc gia.

Cuộc tấn công của Nhật bản vào Trân-châu-Cảng đã mang lại bài học này về tận nhà cho đa số người Mỹ. Với biến cố chấn động này, người Mỹ không còn từ khước tham gia nhân lực và vật lực vào chiến tranh thế giới. Đoàn kết trong bi thảm, người Mỹ đã bắt đầu nhiệm vụ bao la thúc đẩy cả dân tộc vào chiến tranh và nhiệm vụ đau đớn hơn là gửi chồng, con, anh em ra chiến trường.

Mặc dầu các sử gia vẫn còn tranh luận về vấn đề có thể tránh được Đệ Nhị Thế chiến hay không? Nhưng ít có nghi ngờ rằng chính việc Hoa Kỳ đã rút về thế bất can thiệp sau Đệ nhất thế chiến và sự thất bại của các nước

dân chủ Tây phương trong việc đối phó mạnh mẽ với kẻ xâm lăng trong thập niên 1930 đã đóng góp đáng kể vào sự bùng nổ thế chiến thứ II. Có lẽ nếu Hoa Kỳ đảm nhận nhiều trách nhiệm quốc tế hơn trong thập niên 1920 và các năm đầu trong thập niên 1930, có lẽ nếu Hoa kỳ và các cường quốc Tây phương khác nỗ lực giải quyết các vấn đề chánh trị và kinh tế của giai đoạn nói trên hơn là cố gắng bảo vệ hòa bình bằng những lời hứa trên giấy tờ, có thể Hoa Kỳ và Tây phương đã ngăn chặn được xâm lăng ở Âu châu và Á châu, chính sự xâm lăng này đã đẩy nhân loại vào cuộc chiến tranh khốc hại nhất của loài người.

BÀI 17

WORLD WAR II: THE RESPONSE TO AGRESSION

ĐỆ NHỊ THẾ CHIẾN: CHỐNG XÂM LĂNG

Nếu vào cuối thế chiến Đồng Minh vẫn còn hợp tác, thì sự bất đồng lên cao đối với các mục tiêu của thời hậu chiến lại tạo nên những căng thẳng khiến cho đồng minh phải xá bỏ nhau ít lâu sau thế chiến. Ước muốn của Staline nhằm bảo vệ Liên bang Sô viết khỏi bị tấn công trong tương lai bằng cách thiết lập những chế độ Cộng sản do Sô viết thống trị trong các nước liên bang đối ngược hẳn với mục tiêu của Anh-Mỹ nhằm khôi phục quyền hành cho các chánh phủ dân chủ được thành lập qua các cuộc bầu cử tự do.

Vậy thì chúng ta phải lượng định kết quả của thế chiến thứ nhì ra sao? Hướng về một phần câu hỏi này, Sử gia kiêm nhà ngoại giao George F. Kennan ghi lại trong cuốn sách của ông tựa đề "Nền ngoại giao của Hoa Kỳ 1900-1950" rằng thế chiến thứ hai đã bị dân chúng của các nước dân chủ Tây phương và đặc biệt dân Mỹ hiểu biết rất thiếu sót và rằng để hiểu kết quả của thế chiến thứ II, người ta cần phải nhìn nhận "Cái phạm vi mà... không thể thắng được đầy đủ. Cố gắng để giải thích ý kiến này, Ông Kennan chủ trương rằng trước cuộc xâm lăng Ba Lan 1939, cán cân lực lượng rõ rệt nhẹ hẳn về phía các nước dân chủ Tây phương vì lẽ sức mạnh quân sự của thế giới nằm hẳn trong tay Quốc Xã Đức, quân phiệt Nhật và Cộng sản Nga. Cả ba quốc gia thù nghịch với cường quốc Tây phương.

Ông Kennan nhận xét rằng 3 Quốc gia này cùng hợp tác không bao giờ có thể bị đánh bại trên vùng đất Âu Á và rằng trong 3 nước này, chỉ có Nhật bản bị các cường quốc Tây phương đánh bại mà không khiến 2 cường quốc độc tài kia tiếp cứu. Với tình trạng như vậy, trong cuộc chiến tranh chống Đức, bó buộc các nước dân chủ Tây phương phải liên minh với Liên bang Sô viết

để đạt được thắng lợi. Nhưng để đạt được thắng lợi hoàn toàn đối với Đức, sự cộng tác lại đã chỉ phát sinh ra một kết quả là tăng cường thêm sức mạnh cho Cộng sản. Vì lẽ sự cộng tác nói trên đã bảo đảm cho Sô viết quyền tham dự vào bàn hoà đàm và mang đến việc chiếm đóng quân sự của Sô viết trên những phần đất lớn lao của Đông Âu.

Kết quả chính của thế chiến thứ II có phải là sự thay thế một đe dọa độc tài này bằng một đe dọa độc tài khác như Kennan có ý nói chăng? Chắc chắn những vấn đề khó khăn và các cuộc khủng hoảng trong cuộc chiến tranh lạnh (giữa khối Cộng Sản Nga-Hoa và các nước dân chủ Tây phương) dường như đã hậu thuẫn cho kết luận nói trên của Ô. Kennan. Nhưng điều này không có nghĩa là người Mỹ lẽ ra không nên tham chiến trong thế chiến thứ II. Trong năm 1939 - 1940 Đức quốc Xã và quân phiệt Nhật đang tiến quân, Hoà bình để trở thành chiến tranh, dân chủ đã bị đe doạ nặng nề. Phải mất 5 năm chiến đấu và hy sinh lớn lao của nhiều quốc gia mới chấm dứt được các cuộc xâm lăng của các cường quốc phe trục (Đức, Nhật, Ý) và các cuộc xâm lăng này đã được chấm dứt thật sự.

Chiến tranh đã để lại nhiều di sản - Phá phách, tuyệt vọng và thù ghét - Nhưng chiến tranh cũng đã dẫn đến việc hình thành Liên hiệp Quốc và làm sống lại hy vọng rằng nhân loại đã có thể tìm thấy các phương cách để thiết lập một nền hoà bình trường cửu - Chiến tranh cũng làm dấy lên một tinh thần quốc gia mới, dẫn đến sự khai sinh nhiều quốc gia độc lập mới ở Á-Châu và Phi châu, mang đến sự cáo chung cho chính quyền thuộc địa.

BÀI 18

THE COLD WAR: CONTAINMENT AND COEXISTENCE

CHIẾN TRANH LẠNH: CHÍNH SÁCH BẾ BỒ VÀ SỐNG CHUNG

Từ đống tro tàn của thế chiến thứ nhì đã mọc lên một thế giới chia rẽ trong đó Hoa kỳ đã đóng một vai trò mới và tích cực hơn. Đối diện với thử thách do sự bành trướng chủ nghĩa Cộng sản cả ở Âu lẫn Á châu đặt ra, các nhà lãnh đạo Hoa Kỳ đã quay lưng lại đối với chính sách bất can thiệp truyền thống của nước Mỹ và đã đảm nhận trách nhiệm lãnh đạo và phòng thủ "thế giới tự do". Để ngăn chận sự bành trướng của Chủ nghĩa Cộng sản, các lãnh tụ Hoa kỳ đã xướng xuất các chánh sách nhằm bao vây (contain) Liên bang Sô Viết và các đồng minh của họ - Bằng cách viện trợ quân sự và kinh tế cho các quốc gia thân hữu, không liên kết và qua các Liên minh phòng thủ địa phương như: NATO (Tổ chức Liên minh Bắc Đại Tây Dương), SEATO (Liên Minh Phòng Thủ Đông Nam Á). Các nhà lãnh đạo Hoa kỳ cố gắng dựng nên một thành lũy ngăn chận sự xâm lăng của Cộng Sản.

Trong thập niên 1960, một vài sử gia khảo cứu về nguồn gốc chiến tranh lạnh cho rằng chiến tranh lạnh đã xuất phát từ những nguyên nhân phức tạp hơn là sự bành trướng của Chủ nghĩa Cộng sản cũng như các cố gắng của Tây phương nhằm bao vây sự bành trướng đó. Thí dụ: Các sử gia P. F. Fleming, Gar Alperovitz và David Horowitz chủ trương rằng hành động của Sô viết ngay sau thời kỳ hậu chiến có thể được hiểu một cách đúng nhất như là thái độ tự vệ trước một đe dọa mạnh mẽ từ bên ngoài. Các sử gia này cho rằng việc Cộng sản hóa Đông âu chỉ là cố gắng của Sô viết nhằm bảo vệ Liên bang Sô viết chống lại nước Đức, là nước đã từng xâm lăng nước Nga 2 lần trong thế kỷ 20, giết chết nhiều triệu người Nga, và gây ra sự phá phách không kể xiết. Thay vì nhìn nhận sự lo sợ này của Nga sô, Hoa kỳ đã tái võ trang Tây Đức do đó làm

tăng thêm sự nghi ngờ của Sô Viết. Các sử gia có khuynh hướng xét lại cũng nhìn chính sách bao vây của Hoa Kỳ tại Á châu như thể chỉ để giúp đồng hóa nước Mỹ với các chính thể thối nát, không đại diện dân chúng hơn là cung hiến cho các dân tộc Á châu những sự lựa chọn có giá trị thay thế cho chủ nghĩa Cộng sản.

Tuy nhiên phần lớn các sử gia bác bỏ lý thuyết cho rằng Hoa kỳ phải chịu trách nhiệm phần lớn về chiến tranh lạnh. Họ cho điểm Tổng Thống Truman và chính quyền của ông về cả hai phương diện khôn ngoan và nhìn xa trong việc đối phó với chủ trương bành trướng của Nga xô tại Âu châu bằng các chương trình như là kế hoạch Marshall và việc hình thành tổ chức Liên-Minh Bắc Đại Tây Dương. Họ cũng có ý nói rằng cả hai Thống Thống Truman và Eisen hower đã chứng tỏ sự tự chế lớn lao trong các cuộc khủng hoảng như ở Bá Linh, Triều-tiên và Trung-Đông, vẫn đối phó với các thách thức của Cộng sản mà vẫn tránh được các hành động khiêu khích có thể xô đẩy thế giới vào cuộc Đại chiến thứ 3. Vào cuối thập niên 1950, các nhà lãnh đạo Hoa Kỳ đã đi một bước khá dài tiến tới việc làm giảm bớt sự căng thẳng giữa Hoa kỳ và Liên bang Sô Viết.

BÀI 19

AMERICAN AFTER WORLD WAR II: STABILITY AND CHANGE

MỸ CHÂU SAU ĐỆ NHỊ THẾ CHIẾN: ỔN CỐ VÀ THAY ĐỔI

Vào cuối thập niên 1950, nhiều đề tài nổi bật trong thập niên 1960 cũng đang bắt đầu xuất hiện - Tối cao Pháp viện đã chà sát nhất điểm lương tâm của nước Mỹ để làm lộ ra những bất công mà người Mỹ da đen phải cam chịu - Một cách chậm chạp nhưng chắc chắn, hệ thống Jim Crown đã phải nhượng bước cho các đòi hỏi của người da đen quyền bình đẳng xử dụng các phương tiện công cộng.

Việc phóng thành công vệ tinh nhân tạo Sputnik số I của Nga năm 1957 đã khởi mào cho hai cuộc tranh luận lớn tại Hoa Kỳ. Một là về phẩm chất và mục tiêu của nền giáo dục Hoa kỳ, hai là về chiều hướng chương trình không gian của Mỹ phải đi theo. Cuộc tranh luận thứ nhất vẫn còn đang tiếp tục, cuộc tranh luận thứ nhì đã được tạm thời giải quyết bởi người kế vị Tổng Thống Eisenhower: Tổng Thống John F. Kennedy. Ông cam kết nước Mỹ sẽ đổ bộ người lên mặt trăng trước cuối thập niên 1960. (Hoa Kỳ đã đổ bộ người đầu tiên lên mặt trăng năm 1969).

Chính Tổng Thống Eisenhower cũng đã nêu lên một đề tài tranh luận trải rộng ra suốt 2 thập niên, trong bài diễn văn từ biệt quốc dân, tháng giêng năm 1961, Ông nói:

" Trong các Hội đồng Chánh phủ, chúng ta phải canh chừng để chống lại việc chiếm ảnh hưởng không chánh đáng, dầu cố ý hay không cố ý của hệ thống kỹ nghệ và quân sự. Tiềm năng chiếm giữ quyền hành không đúng chỗ và tai hại hiện đang có và sẽ có.

Chỉ có ý thức công dân tỉnh táo và hiểu biết mới có thể ép được guồng máy quốc phòng khổng lồ chi phối tới nhu cầu quân sự và các khai thác kỹ nghệ

ăn khớp nhịp nhàng với các mục tiêu và phương pháp Hoà bình của chúng ta, ngõ hầu nền an ninh và quyền tự do có thể được phát triển song song.

Trong khi những vấn đề này và một số vấn đề khác được tranh luận công khai trong hậu bán thập niên 1950, thì các đề tài khác đã bị lãng quên một phần lớn. Người ta ít chú ý tới số sinh xuất đang leo thang trong nước Mỹ với mức cao nhất là 25.2 phần ngàn trong năm 1957. Sự kiện này có nghĩa là giới trẻ sẽ chiếm một tỷ lệ lớn hơn trong thập niên kế tiếp và sẽ đòi hỏi nhiều hơn nữa hàng hóa, dịch vụ và quyền hành. Người ta cũng không để ý nhiều tới tỷ xuất đang giảm dần và có nghĩa là sẽ có nhiều người hơn nữa sống lâu hơn. Việc tìm những phương cách giúp cho người già sống cuộc đời hữu dụng hơn, thoải mái hơn thì ít ai làm.

Hậu quả của sự phồn thịnh và bành trướng kỹ nghệ trong thời hậu chiến đối với môi sinh cũng bị bỏ quên. Trong thời gian này, sự nhiễm độc không khí được người ta coi là một vấn đề đặc thù của thành phố Los Angeles và một số ít đô thị khác chứ không là một đe dọa đối với sức khỏe của mọi người Mỹ. Điều này cũng đúng đối với việc nhiễm độc trong nước. Việc phát triển gia cư bành trướng mau lẹ nhưng lại ít quan tâm đến hậu quả của một sự phát triển thiếu kiểm soát này đối với cả môi sinh thiên nhiên lẫn đối với những người sống trong những vùng ngoại ô rất kém kế hoạch hơn.

Trong thập niên 1960, nhiều vấn đề trên không còn bị lãng quên nữa. Mỗi lúc lại có nhiều người Mỹ hơn quan tâm và tham gia vào việc chỉ đạo xứ sở, phần lớn các di sản chánh trị đã từng ngự trị trong thập niên 1950 đều biến mất. Việc đắc cử của Tổng Thống John F. Kennedy vào chức vụ Tổng Thống Hoa Kỳ năm 1960 đã tượng trưng cho sự chuyển tiếp này; Ông là vị Tổng Thống Mỹ đầu tiên sinh ra trong thế kỷ 20, một người trẻ tuổi có nhiều tư tưởng mới lạ "để làm cho xứ sở lại chuyển động".

BÀI 20

CONTEMPORARY FOREIGN POLICY: INTERNATIONAL CHALLENGES

CHÍNH SÁCH NGOẠI GIAO ĐƯƠNG THỜI: THỬ THÁCH QUỐC TẾ

Cuộc khủng hoảng về hỏa tiễn tại Cuba, chiến tranh Việt Nam và các tranh chấp trong thế giới thứ 3 (gồm các nước không liên kết với khối Nga hoặc Mỹ) chứng minh rõ ràng rằng: Các khối cường quốc bị bế tắc vì mối đe dọa của khí giới hạch tâm. Các quốc gia trong thế giới thứ 3 đã được quyền hành động mềm dẻo hơn nhờ sự quân bình của võ khí hạch tâm khủng khiếp. Thí dụ: trong cuộc khủng hoảng hỏa tiễn Cuba, nước Mỹ đã không xâm lăng Cuba, cũng không dùng bom tiêu hủy các địa điểm đặt giàn hỏa tiễn. Mặt khác, Nga Xô cũng không có ý phá vỡ cuộc phong tỏa Cuba của Mỹ. Tại Việt-Nam, các nước Tây phương với những võ khí tân tiến cũng đã bị những người có võ khí thô sơ hơn cũng bị chống lại.

Bên trong các liên minh lớn, những sự chuyển quyền quan trọng đang tiến hành. Về phía Tây phương, Nước Pháp đã thách đố Hoa Kỳ để dành quyền lãnh đạo Âu Châu. Bên trong khối Cộng sản, Trung Hoa đã tách rời các chính sách của mình với các chính sách của Nga Xô, cố gắng lãnh đạo các nước Cộng sản khác theo một đường lối cách mạng hơn, chủ chiến hơn. Bên trong hai khối Liên minh (của Mỹ và của Nga) các quốc gia thành viên đã tìm được quyền hành độc lập nhiều hơn.

Điều cốt thay, sự nới lỏng các Liên minh lại bắt đầu diễn ra ngay vào lúc Tổng Thống Kennedy đang cố gắng lôi kéo cộng đồng Tây phương - gồm Hoa Kỳ và Âu Châu vào trong một khối liên kết chặt chẽ hơn. Sự đe dọa chính cho mộng thống nhất Đại Tây Dương của Tổng Thống Kennedy trong thập niên 1960 là sự tin tưởng của Tổng Thống Pháp Quốc Charles De Gaulle rằng người Mỹ đã đóng vai trò chi phối quả cầu ở Âu châu. De Gaulle đã hình dung một Âu Châu do

Pháp lãnh đạo có thể dùng để quân bình hoá 2 siêu cường Nga và Mỹ. Để đạt mục tiêu này, Ông đã rút quân đội Pháp ra khỏi Tổ chức Liên minh Bắc Đại Tây Dương (NATO) và chống lại việc Anh quốc gia nhập thị trường chung Âu Châu. Chính sách của Pháp đối với Tổ chức Liên minh Bắc Đại Tây Dương có thay đổi hay không với các người kế vị của De Gaulle thì chưa rõ trong năm 1970.

Trong khi Pháp chứng tỏ quyền độc lập của mình đối với sự chi phối của Hoa Kỳ, các nước Đông Âu cũng đẩy mạnh việc tự trị quốc gia và độc lập đối với sự thống trị của Nga Xô. Tuy nhiên ở Tiệp khắc, những chuyển động trên tiến tới quyền hành động mềm dẻo hơn, tự do hơn đã bị ngăn chận tức khắc khi Nga Xô chiếm nước này tháng 8 năm 1968, một hành động với cùng một lý do như Mỹ đã biện minh cho việc can thiệp vào Cuba và Cộng hoà Dominique (Trung Mỹ) - là bảo vệ cái mà người Nga coi là quyền lợi sinh tử của quốc gia. Nhưng trong khi nước Mỹ rút quân khỏi Cộng Hoà Dominique ngay sau khi các cuộc bầu cử đã được tổ chức, Nga Xô vẫn tiếp tục chiếm đóng và đàn áp Tiệp Khắc.

Sự tranh chấp giữa hai khối trong thập niên 1960 có khuynh hướng diễn tiến theo "đường lên xuống" của thập niên 1950. Thí dụ, trong cuộc trắc nghiệm ý chí về Bá Linh năm 1961, đường lối đã cứng rắn trở lại, khi Tổng Thống Kennedy nhấn mạnh rằng quyền của người Tây Bá Linh được tự do sang Tây Đức phải được bảo vệ - Nga Xô và Đông Đức lúc đó cũng gia tăng sự căng thẳng của chiến tranh lạnh bằng cách xây một bức tường chạy vòng theo biên giới ngăn Đông và Tây Bá Linh, cắt đứt lưu thông giữa hai phần của thành phố này. Tuy nhiên sau cuộc khủng hoảng Hoả tiễn ở Cuba, đường lối lại dịu đi. Sau nhiều tháng thương thuyết, Hoa Kỳ, Nga Xô, Anh quốc năm 1963 đã chấp thuận

việc cấm chỉ thí nghiệm hạch tâm trong khí quyển, ở ngoại tầng không gian và dưới nước. Tiếc thay, cả nước Pháp lẫn Trung Cộng (hai cường quốc nguyên tử khác) không có trong số trên 100 quốc gia sau này đã ký kết hiệp ước này. Bằng cớ hiển nhiên khác chứng tỏ sự giảm bớt căng thẳng phải kể cả việc bán lúa mì thặng dư của Hoa Kỳ cho Nga Xô, các chương trình trao đổi văn hóa và khoa học (giữa Nga và Mỹ), việc thiết lập "đường giây nóng" (hot line) nối liền Tòa Bạch Ốc và Điện Cẩm Linh để liên lạc tức thời trong các cuộc khủng hoảng, và việc mở ra những cuộc thương thuyết nhằm hạn chế võ khí chiến lược.

Bang giao Đông Tây trong tương lai sẽ diễn ra dưới hình thức nào đi nữa điều có vẻ chắc chắn là thế giới thứ 3 sẽ tiếp tục tăng thêm phần quan trọng của họ trong các việc vụ thế giới. Sự thành công tương đối của việc phát triển kinh tế trong thời hậu chiến bên trong các quốc gia thuộc khối NATO và phòng thủ Varsovie (Nga và Đông Âu) đã làm gia tăng khoảng cách giữa các quốc gia kỹ nghệ và các nước thuộc thế giới thứ 3. Nếu các nước giàu có ở Âu châu và Đại tây Dương vì bị ý thức hệ chia rẽ mà trở thành các khối kình chống nhau lại có thể hoàn thành được thỏa hiệp về võ trang, thì có lẽ sẽ có nhiều ngân khoản hơn được hướng về việc giải quyết các vấn đề nhân mãn, nghèo đói và kém phát triển trong thế giới thứ 3. Cho tới khi những vấn đề này được giải quyết, giấc mơ Hòa bình Thế giới vẫn còn mông lung trong tương lai như giấc mơ đó đã từng chỉ là mông lung trong suốt hai thập niên rưỡi kể từ lúc chấm dứt thế chiến thứ nhì.

BÀI 21

TOWARD THE FUTURE: CHALLENGES OF THE 1960'S AND 1970'S

HƯỚNG VỀ TƯƠNG LAI: THỬ THÁCH CỦA THẬP NIÊN 60 VÀ 70

Trong hai thế kỷ qua, xã hội Mỹ đã trải qua nhiều giai đoạn thử thách lớn và thay đổi nhiều. Những người đã chiến đấu giành độc lập thì đối phó với sự thử thách cho việc xây dựng xứ sở, sau một thời gian bấp bênh, bằng cách xây dựng một hệ thống chính quyền Liên bang. Theo hệ thống này, người Mỹ có thể dung hòa các chia rẽ về chính trị và kinh tế trên một nửa thế kỷ, trong lúc quốc gia mở rộng chủ quyền suốt trong lục địa Hoa Kỳ. Trong nửa thế kỷ đó, các nhà trồng trọt miền Nam, các chủ trại miền Tây, và thợ thuyền miền Bắc đã hình thành một Liên Hiệp chánh trị bên trong Đảng Dân Chủ và đã thành công trong việc phá vỡ các hàng rào ngăn cản quyền tham gia chính trị và cơ hội kinh tế đối với người Mỹ da trắng.

Vấn đề nô lệ đã thử thách sự cam kết của người Mỹ đối với các lý tưởng cao cả nhất của Quốc gia và cuối cùng đã xé quốc gia thành hai phe chiến tranh với nhau. Sau cuộc nội chiến khốc hại và đẫm máu, quốc gia đã thất bại, không sống đúng với những lý tưởng trên vì đã không chấp nhận những người nô lệ vừa được giải phóng vào trong sinh hoạt chính trị và kinh tế như những người bình đẳng. Các Tiểu bang trong Liên bang đã được tái thống nhất, nhưng miền Nam vẫn được phép thay thế chế độ nô lệ bằng chủ trương kỳ thị khắt khe và khủng bố người da đen.

Đại kỷ nguyên kỹ nghệ hóa, di cư, đô thị hóa và bành trướng thuộc địa, tiếp theo cuộc nội chiến. Khi các đại công ty mỗi ngày một tăng thêm thế lực trong sinh hoạt kinh tế và chánh trị của quốc gia, thì trại chủ, thợ thuyền kỹ nghệ phản đối và sôi nổi hành động đòi hỏi các cải cách để đối phó với

các thử thách do các hoạt động của đại xí nghiệp, sự phát triển đô thị và sự mất quân bình kinh tế đặt ra. Các cuộc đình công của Lao động hay xẩy ra và thường là bạo động, nhưng phong trào chánh trị mới phát sinh để thức tỉnh người Mỹ ý thức đến nhu cầu thay đổi.

Một cuộc tái thiết sinh hoạt chánh trị và kinh tế đã bắt đầu với phong trào Tiến bộ trước Thế chiến thứ nhất và đạt tới điểm chót đỉnh với chính sách kinh tế mới (New Deal). Luật lệ đã được ban hành để điều hòa doanh nghiệp ban bố quyền mặc cả cho lao động và cung cấp an sinh cho người già và thất nghiệp. Điều đáng kể nhất, Chánh phủ Liên Bang đã đảm nhiệm một vai trò mới trong việc phát triển kinh tế quốc gia và an sinh. Một tổ chức Liên Hiệp mới gồm người da trắng miền Nam, dân di cư, thợ thuyền, các nhóm chủng tộc thiểu số, giới chuyên nghiệp trung lưu và giới trí thức đã thành hình bên trong Đảng Dân chủ, Liên Hiệp này đã tồn tại cho tới khi các biến cố bạo động bùng nổ trong thập niên 1960.

Ngày nay, Quốc gia Mỹ dường như lại bước vào giai đoạn thử thách và thay đổi bao la. Trong những năm sắp tới, có thể một Liên Hiệp mới sẽ được thành hình để đối phó với những vấn đề đã được thảo luận trong chương này. Nhu cầu tìm kiếm các phương thức mới đã được cựu Tổng Thống Johnson nhận ra trong cuốn sách của Ông tựa đề "Các lựa chọn trước mắt chúng ta".

"Người Mỹ ngày nay đang sống cuộc đời khác xa với bất cứ người Mỹ nào khác trong quá khứ. Họ thấy những nhãn quan rất khác; đến nỗi họ nhìn thấy hình ảnh của chính họ và cả thế giới họ đang sống một cách rất khác - Như chưa từng có bao giờ trước đây, người Mỹ ngày nay đang đặt những câu hỏi rất khác, cảm thấy những nghi ngờ rất khác, kích động theo những động lực rất khác bên trong nhiều cơ cấu nền tảng của xã hội này...

Hoặc là chúng ta tiến tới ý thức mới về những nhu cầu mới của dân tộc chúng ta, kể cả những khả năng mới của dân tộc - Hoặc chúng ta làm thế khác thì nhiều định chế và giá trị vốn thiết yếu cho sự tiến bộ của chúng ta sẽ trở nên lỗi thời to lớn.

PART II

Danh từ Sử Học Trung học

Glossary of History Terms

A

Abolition, sự bãi bỏ, sự hủy bỏ: Phong trào nhằm bãi bỏ toàn thể chế độ nô lệ tại Hoa Kỳ.

Abundance: sự dồi dào, phong phú, dư dật, có nhiều sản phẩm hoặc tài nguyên.

Act, Đạo luật, Luật: Một đạo luật do Quốc hội thông qua và được Tổng Thống chấp thuận và ban hành.

Aggression, sự xâm lăng: việc nước này chiếm nước khác.

Alliance, Liên minh, Đồng minh: Một thỏa hiệp Quốc tế ràng buộc các thành viên phải hành động chung trong các phạm vi đã định rõ trong thỏa hiệp.

Allied Unity, sự đoàn kết Đồng minh: sự đoàn kết giữa nước này với nước khác hoặc phe này với phe khác trong một mục tiêu nào đó.

Amendment, Tu chính án: Phần thêm vào một tài liệu căn bản (như Hiến pháp, Luật) để thay đổi một vài điểm nào đó trong nguyên tắc. Tại Quốc hội các Tu chính án thường được thêm vào các bản dự luật trước khi các dự luật được thông qua.

Americanization, Sự Mỹ-hóa: việc biến cải thành người Mỹ hoặc có tính cách văn hóa Mỹ.

Amnesty, Sự ân-xá: Việc tha tội một cách tổng quát do vị đứng đầu Hành pháp (Tổng Thống, Quốc trưởng) ban bố cho những người đã bị tù tội hay bị trừng phạt vì những tội đã xác định.

<u>Anarchy</u>, <u>Tình trạng vô Chính phủ:</u> Tình trạng không có bất cứ hình thức cai trị nào. Chữ Anarchists dùng để chỉ những người tin tưởng rằng mọi hình thức chính phủ đều xấu và đòi hủy bỏ mọi chính phủ.

<u>Appeasement</u>, <u>sự hòa hoãn</u>: việc nhượng bộ đối phương vì muốn hòa bình.

<u>Arbitration</u>, <u>sự trọng tài</u>: Thủ tục giải quyết các tranh chấp giữa hai phe theo đường lối hòa bình bằng cách nhờ phe thứ ba xét xử.

<u>Archives</u>, <u>văn khố</u>: Tòa nhà hoặc nơi lưu trữ các văn kiện chính thức của quốc gia hay của công.

<u>Asset</u>, <u>vốn, cả tài sản:</u> Từ ngữ kinh tế học dùng để chỉ toàn thể tài sản của một công ty hay của một cá nhân.

<u>Authority</u>, <u>quyền bính:</u> quyền chi phối hay quyết định cũng có nghĩa là nhân vật có thẩm quyền hoặc cơ quan có thẩm quyền (authorities)

B

Balance of Power, **sự quân bình lực lượng:** việc hai phe có lực lượng tương đương để không phe nào đàn áp nổi phe nào.

Beachhead, **đầu cầu:** Từ ngữ quân sự dùng để chỉ phần đất đầu tiên nằm bên bờ của phía địch bị phía bạn chiếm và được dùng làm căn cứ phát xuất các cuộc hành quân.

Belligerent, **Nước hoặc phe lâm chiến:** Một quốc gia hay một phe đang lâm chiến chống một quốc gia hay một liên minh khác.

Belligerent Status, **Qui chế lâm chiến:** Sự thừa nhận một nước hay một phe đang giao chiến, và do đó, giúp cho quân của họ được đối xử như tù binh khi bị bắt khỏi bị coi là tội nhân chiến tranh hoặc người sống ngoài vòng pháp luật.

Bill, **Bản dự luật:** Bản văn thảo một đạo luật, bản văn này thường được thay đổi (tu-chính) trước khi trở thành luật.

Private Bill, **Luật cá biệt:** Dự luật chỉ áp dụng cho một người như trường hợp những dự luật chuẩn chấp cho các cá nhân tiền cấp dưỡng hoặc cho phép các cá nhân nhập nội một cách đặc biệt ngoài hẳn các điều khoản dự liệu trong các đạo luật tổng quát hơn.

Bimetallism, Lưỡng kim chế, Chế độ lưỡng bản vị: Chế độ xử dụng hai loại kim quí (thường là vàng và bạc) theo một tỷ lệ nhất định để làm đơn vị tiêu chuẩn giá trị đối với tiền.

Black nationalism, Chủ nghĩa quốc gia da đen: chủ nghĩa của người di dân da đen hãnh diện tự nhận mình thuộc quốc gia gốc tại Phi Châu.

Blockdale, phong tỏa: Một cuộc điều động quân sự và hải quân nhằm mục đích đóng kín các hải cảng của một quốc gia địch, cắt đứt mọi giao thương.

Bolt, Sự bỏ đảng tập thể: Từ ngữ dùng để diễn tả hành động của một nhóm đảng viên trong một chính đảng quyết định thà đòi bỏ Đại hội đảng hoặc rút lui khỏi Đảng hơn là chấp nhận quyết định của Đảng.

Bond, trái phiếu: Trong kinh tế học, chữ Bond dùng để chỉ một chứng chỉ do một Chính phủ, một xí nghiệp hoặc một cá nhân phát hành và trao cho người cho mượn tiền. Trái phiếu này hứa hoàn lại tiền tín dụng (tiền cho vay gốc) cộng với tiền lời theo mục đã ấn định.

Boycott, tẩy chay: Một lợi khí của nghiệp đoàn trong các vụ tranh chấp với chủ nhân, các đoàn viên Nghiệp đoàn đồng ý không mua và vận động các bạn hữu không mua những hàng hóa do chủ nhân sản xuất.

Bull, Chiếu chỉ (của Giáo Hoàng): Tài liệu mang nội dung một sắc luật của vị Giáo Hoàng. Chữ Bull do tiếng La tinh Bullae có nghĩa là ấn tín vì các chiếu chỉ của Giáo Hoàng có mang ấn tín.

Business Consolidation, sự tổ hợp thương mại: việc xáp nhập các tổ chức thương mại nhỏ thành những tổ hợp thuong mại lớn hơn, có nhiều vốn hơn.

C

Capital, Tư bản, vốn: Tiền bạc dùng để mua sắm máy móc, các đồ trang bị cần thiết và các nguyên liệu dùng để sản xuất hàng hóa.

Capitalism, chế độ tư bản: Một chế độ kinh tế theo đó quyền sở hữu tư bản (vốn) nằm trong tay tư nhân.

Capital ship, tàu chủ lực: Loại tàu chiến lớn nhất, trang bị võ khí nặng nhất. Từ năm 1922, các tàu chủ lực được định nghĩa là tàu trọng tải 10.000 tấn và được trang bị súng lớn hơn 8 inches.

Caravel, một loại tàu buồm: Loại tàu buồm do người Tây ban Nha và Bồ đào Nha xử dụng trong thế kỷ 15 và 16, đặc tính của nó là phần sau tàu thì cao, phần trước tàu thì rộng, buồm thì có ba góc. Một vài tàu buồm loại này nổi tiếng là tàu Nina, Pinta va Santa Maria.

Caucus, cuộc họp đảng: Cuộc họp các đảng viên của một đảng có ghế trong cùng một cơ quan Lập pháp (Thí dụ: Thượng nghị Viện). Khi các Thượng nghị Sĩ thuộc Đảng Dân Chủ Mỹ họp lại để bàn về một vấn đề chung. Cuộc họp đó gọi là Caucus của Đảng viên Đảng Dân Chủ Thượng viện. Trước các cuộc bầu cử, các lãnh tụ và đảng viên của một chánh đảng họp lại để thiết lập kế hoạch cho tương lai, hoặc quyết định ủng hộ ứng-cử-viên nào, cuộc họp đó cũng gọi là caucus.

Censorship, chế độ kiểm duyệt: Hành động của các viên chức Chính phủ nhằm cản trở việc xuất bản tài liệu xét có nguy hiểm đối với tình trạng quân sự hoặc tâm lý của Quốc Gia. Trong thời chiến, chế độ kiểm duyệt thường được áp dụng cả đối với thư riêng cũng như đối với các tài liệu xuất bản.

Chronicle, Biên niên sử: một tài liệu lịch sử liệt kê các biến cố theo thứ tự thời gian.

Chronometer, Krô-nô-mét: Một thứ đồng hồ đã được điều chỉnh để có thể dùng đo kinh độ hoặc thời gian một cách hết sức chính xác, đặc biệt dùng trong ngành hàng hải và thiên văn.

Citizen, công dân: Người dân của một nước, giữ lòng trung thành với Quốc Gia và Chính Phủ, được Chính-Phủ bảo vệ.

Civil Service, ngành Công-chức: Nói chung, từ ngữ này dùng để chỉ tất cả những Công chức của Chánh phủ. Nói riêng hơn, từ ngữ Civil Service dùng để chỉ những người được tuyển dụng sau các cuộc sát hạch về khả năng gay go, họ không bị giải nhiệm bừa bãi chỉ vì sự không ưa thích của các cấp trên họ.

City Planning, thiết kế đô thị: việc hoạch định xây cất hoặc tổ chức đô thị theo kịp nhu cầu của thời đại.

Civil war, nội chiến: Chiến tranh giữa những người trong cùng một nước.

Closed shop, xí nghiệp kín: Một nhà máy hoặc một công ty mà trong đó tất cả những người làm công phải là đoàn viên của một nghiệp đoàn chuyên biệt nào đó, vì chủ nhân và nghiệp đoàn liên hệ đã thỏa hiệp như vậy.

Coexistence, sự chung sống: sự chung sống hòa bình giữa khối Cộng sản và khối Tự do.

Cold war, chiến tranh lạnh: chỉ sự ganh đua giữa Nga với Mỹ sau Đệ Nhị Thế chiến trong việc sản xuất vũ khí và tuyên truyền chính sách.

Collective bargaining, Quyền thương lượng của Nghiệp đoàn: quyền đại diện công nhân để thương lượng với chủ nhân về lương bổng và điều kiện làm việc.

Collection organization, tổ chức tập thể: tổ chức do nhiều người điều khiển.

Colony, dân thuộc địa, thuộc địa: số người định cư ở một phần đất khác nhưng vẫn là công dân của mẫu quốc.

Chartered colonies, thuộc địa chấp ủy: các thuộc địa đã được vua nước Anh cấp đặc quyền cho thiết lập chính quyền. Chữ Charter có nghĩa là đặc quyền. Chartered có nghĩa là được ban đặc quyền.

Proprietary colonies, thuộc địa tư cấp: các thuộc địa được cấp cho cá nhân và được coi như sở hữu của cá nhân đó.

Royal colonies, thuộc địa Hoàng gia: các thuộc địa do nhà Vua trực tiếp cai trị, thường thường nhà Vua chỉ định một vị toàn quyền trông coi.

Colonialism, chủ nghĩa thuộc địa, chủ nghĩa thực dân: chủ trương cai trị nước khác bằng võ lực, kiểm soát hành chánh hoặc chi phối kinh tế.

Commercial interests, quyền lợi thương mại: quyền lợi trong việc buôn bán trao đổi hàng hóa.

Common Carrier, phương tiện chuyên chở công cộng: Một phương tiện chuyên chở chung cho công chúng xử dụng. Thí dụ: đường hỏa xa.

Communism, chủ nghĩa Cộng sản: Một chủ thuyết do Karl Marx lập ra và do Le Nine và Staline khai triển tại Liên bang Sô viết. Chủ nghĩa Cộng Sản là chủ nghĩa thuần túy duy vật, vô thần, hiếu chiến. Cộng sản không công nhận quyền tư hữu và trao quyền, tuyệt đối điều khiển xã hội vào tay đảng Cộng sản. Cộng sản chủ trương rằng lịch sử là một cuộc cách mạng liên tục và do đó chấp nhận bạo động, bất chấp tính chất thiêng liêng của nhân vị.

Congregational, Cộng đoàn: Một lối tổ chức của Giáo hội Tin lành, theo đó, một cộng đoàn riêng có quyền tối thượng trong phạm vi lãnh địa của mình, mặc dầu có liên hệ với các cộng đoàn khác trên căn bản cộng đoàn bạn.

Conquistador, kẻ chinh phục: Từ ngữ này dùng để chỉ các nhà thám hiểm Tây ban Nha đã chinh phục các bộ lạc da đỏ tại Châu Mỹ.

Conscription, sự động viên: Việc bắt buộc công dân thi hành nghĩa vụ quân sự.

Conservative, bảo thủ: Người bênh vực giá trị của các định chế, luật lề và trật tự hiện có và chống lại những sự thay đổi rộng lớn và mau chóng.

Constitution, Hiến pháp: Bộ luật căn bản ấn định việc tổ chức Chính phủ, Hiến pháp có thể trình bày dưới hình thức các tài liệu như ở Hoa Kỳ (Hiến pháp thành văn) hoặc là sự phối hợp cả luật thành văn với truyền thống lẫn các quyết định về pháp lý và các tiền lệ như ở Anh Quốc (Hiến pháp bất thành văn).

Consul, Lãnh sự: Viên chức đại diện và cố vấn pháp lý của một nước tại một nước khác.

Consulate, Tòa lãnh sự, Lãnh sự quán: nơi đặt văn phòng của Lãnh sự.

Contaiment policy, chính sách be bờ: chính sách chặn đối thủ ở những vùng mà đối thủ gây ảnh hưởng, bao vây đối thủ, không cho lấn lướt thêm

Continental divide, rặng núi phân ranh trong lục địa: Rặng núi thuộc dãy Rocky Mountain của Hoa Kỳ phân vùng đất có các con sông trút hết nước của vùng này đổ ra Thái bình dương đối lại với các con sông trút nước ra vịnh Mễ tây cơ hoặc Đại tây dương.

Contraband, Hàng hóa lậu thuế, Hàng bị cấm: Hàng hóa thâm lậu trốn thuế quan. Hàng hóa bị luật cấm không cho xuất cảng và nhập cảng. Thí dụ: Thuốc phiện. Hàng hóa phải bị tịch thu vì Hải quân phong tỏa thường là hàng hóa có giá trị quân sự.

Convention, Đại hội: Cuộc họp chính thức của các đại biểu hoặc đại diện đã được đề cử cho một mục đích rõ rệt như Đại hội lập hiến hoặc Đại hội Đảng để cử ứng viên Tổng thống.

Corporation, Công ty, Đoàn thể: Tổ chức của một số người được nhìn nhận có tính cách pháp nhân, được phép thực hiện một số nghiệp vụ như một cá nhân thực sự.

Credit, Tín dụng thư: Từ ngữ kinh tế học và tài chánh dùng để chỉ một trị giá tiền bạc do một cá nhân, một công ty hay một quốc gia xử dụng thay cho tiền thật vì đã được tín nhiệm về phương diện tài chánh.

Crusade, Thập tự quân: Các cuộc viễn chinh của các nước Âu châu theo Thiên Chúa Giáo dưới lá cờ Thập tự (Thánh giá) chống lại Hồi Giáo để lấy lại đất Thánh.

Cultural diversity, sự đa tạp về văn hóa: tính cách hiện diện của nhiều người thuộc các văn hóa khác nhau.

Custom duty, Quan thuế: Thuế đánh vào các hàng hóa từ nước ngoài đem vào một nước.

D

Dark horse, ngựa về ngược: Từ ngữ chính trị dùng để chỉ một ứng cử viên tạo được thế lực bất ngờ trong một đại hội để cử ứng cử viên.

Deflation, sự giảm phát: thời gian việc cung cấp tiền bạc và tín dụng đang lưu hành được giảm bớt, việc giảm phát thường đi kèm với sự hạ bớt giá cả và gia tăng mãi lực của đồng Mỹ kim.

Deism, triết lý hữu thần hạn chế: Một triết lý tin tưởng có Thượng đế là Đấng Hằng Hữu, nhưng phủ nhận sự điều khiển trực tiếp của Thượng đế đối với thế giới và cả sự can thiệp của Ngài. Theo triết lý này, Thượng đế, như vậy chỉ có trách nhiệm tạo dựng thế giới, còn chính thế giới thì được để cho tự nhiên tiến hóa.

Democracy, Chế độ dân chủ, Dân chủ: Về phương diện hình thức Chánh phủ, chế độ dân chủ có nghĩa là dân chúng trực tiếp kiểm soát Chánh phủ, trong những giới hạn của Luật Hiến pháp. Về phương diện triết lý, dân chủ có nhiều nghĩa hơn nữa: như là việc nhìn nhận quyền bính của Chính phủ và quyền bình đẳng pháp lý và chính trị của mỗi công dân trước quyền bính này. Tinh thần dân chủ chân chính không có nghĩa là san bằng giai cấp hay triệt tiêu những ưu điểm tự nhiên của cá nhân như là tài ba, sự may mắn, sự cần mẫn của cá nhân. Như vậy dân chủ chính là cố gắng lượng định đúng giá trị của cá nhân trong tinh thần "Bốn bể đều là anh em, Thượng đế là cha chung".

Christian Democracy, Dân chủ Thiên chúa Giáo: Theo Đức Giáo Hoàng Leo XIII, dân chủ Thiên chúa Giáo được xây dựng "trên các nguyên tắc căn bản của Đức Tin và Thượng đế, và dân chủ phải cung cấp những điều kiện tốt đẹp hơn cho quần chúng với đối tượng sâu kín là phát huy sự trọn lãnh của linh hồn để xứng đáng với những giá trị vĩnh cửu mà linh hồn đã được tạo dựng nên để đạt tới". Dân chủ Thiên chúa Giáo có nghĩa là: "Hành động thiện ích của Thiên chúa Giáo đối với nhân dân".

Denomination, Giáo phái: Một nhóm hay tôn giáo có đức tin khác biệt và hình thức thờ phượng khác biệt.

Depression, tình trạng khủng hoảng kinh tế: Tình trạng sút giảm toàn thể việc sản xuất hàng hóa, kèm theo sự gia tăng thất nghiệp, giảm sút giá cả và khối lượng tiền tệ lưu hành.

Diplomacy, Ngoại giao: Thủ tục thực hiện sự bang giao chính thức giữa các nước.

Dissent, bất đồng ý kiến: sự khác biệt về ý kiến trong một vấn đề gì.

Disunity, sự chia rẽ: sự thiếu đoàn kết về ý kiến hoặc hành động giữa các phe, nhóm người.

Dividend, Phần lời chia: Sự phân chia phần lời của một công ty cho mỗi cổ phần chứng khoán.

Draft, Việc gọi quân dịch: Việc gọi công dân đi thi hành nghĩa vụ quân sự (quân dịch).

E

Economic development, Sự phát triển kinh tế: việc đẩy mạnh kỹ nghệ, canh nông, thương mại để thành giàu mạnh hơn.

Emancipation, sự giải phóng nô lệ: Hành vi giải phóng một người nào khỏi tình trạng nô lệ.

Embassy, Tòa Đại-sứ, Đại-sứ quán: Nơi đặt văn phòng của vị Đại sứ của một nước tại Thủ-đô của một nước khác. Vị Đại sứ (Ambassador) là viên chức đại diện cao cấp nhất của một nước tại nước khác.

Empire, Đế quốc: Một Chính phủ được tổ chức cho cả các lãnh thổ bên ngoài chính quốc; các lãnh thổ này trước kia là riêng biệt nhưng đã được nối kết lại dưới các hình thức hoặc là thuộc địa hóa, liên bang hay xâm lăng quân sự.

Encomienda, Lãnh địa đặc cấp: Lãnh địa do nhà Vua cung cấp cho mỗi người Tây ban Nha định cư tại Châu Mỹ. Việc đặc cấp này cho người thụ hưởng quyền hành cả về pháp lý lẫn kinh tế đối với các người da đỏ cư trú trên phần đất lãnh địa ấy.

Environment, môi sinh: khung cảnh và tất cả những gì xung quanh con người ảnh hưởng tới sự sinh sống của con người.

Episcopalian, Ê-pít-Kô-Liên: Một hình thức tổ chức của Giáo hội Tin Lành, theo đó việc cai quản Giáo hội nằm trong tay các Giám Mục. Mặc dầu các Giáo phái khác cũng có Giám mục. Nhưng từ ngữ "Episcopalian" thường dùng để chỉ Giáo hội Tin Lành Ê-pít-Kô-Liên là chi nhánh của giáo hội Anh quốc.

Executive, Vị đứng đầu Hành pháp: Viên chức chịu trách nhiệm việc quản trị Chánh phủ như Tổng Thống hay các Thống đốc Tiểu Bang của Hoa kỳ.

Executive agreements, Hiệp ước của Hành pháp: Hiệp ước quốc tế giữa Tổng Thống và các Quốc Trưởng của các nước khác ràng buộc cá nhân Tổng Thống vào một chính sách rõ rệt nào.

Executive Departments, Các Bộ thuộc Hành pháp: Được tổ chức để giúp vị đứng đầu Hành pháp (Tổng Thống, Thống Đốc) thi hành nghĩa vụ của mình như Bộ Ngoại giao, Bộ Quốc phòng.v.v..

Expropriation, Truất hữu: Hành động chiếm lấy đất đai hay tài sản của một chủ nhân tương đối nhỏ. Từ ngữ mới đây còn dùng để chỉ việc Chính phủ chiếm lấy tài sản của các chủ nhân ngoại quốc trong một nước.

F

Favorite son, "con cưng", "Gà nhà": Danh từ chính trị của Mỹ dùng để chỉ một ứng cử viên đang tranh được đề cử làm ứng viên Tổng Thống của đảng và được các đại biểu của Tiểu bang nhà hậu thuẫn.

Federal, Liên bang: Từ ngữ dùng để chỉ một hình thức chánh phủ hoặc một hình thức liên kết gồm nhiều tiểu quốc hoặc tiểu bang mà vẫn giữ được thực thể của tiểu quốc hoặc tiểu bang tuy không giữ lại tất cả quyền hành đầy đủ.

Federalism, Chủ nghĩa liên bang: chủ trương liên kết những tiểu bang tự trị thành một liên bang vững chắc.

Federalists, Đảng viên đảng Liên bang: Các đảng viên của một chính đảng thoát kỳ thủy được tổ chức để hậu thuẫn cho việc thành lập một Chính phủ Hoa kỳ dựa theo một Hiến pháp Liên bang.

Filibuster, Người phá thối trong Nghị-trường: Một chiến thuật trong nghị trường nhằm ngăn cản việc thông qua một dự luật bằng cách xử dụng mọi thời gian cho phép, đọc diễn văn, phát biểu ý kiến .v.v.. khiến không có thời giờ kết luận và biểu quyết. Danh từ này, ngày trước còn dùng để chỉ các cuộc viễn chinh bất hợp pháp, cướp phá, bắn giết đối với các quốc gia thuộc Nam Mỹ.

Foreclosure, Sự tịch biên, Vật sai áp: Hành động pháp lý theo đó tài sản dùng để thế chân phải được giao người giữ tài sản thế chân (người cho vay) hoặc phải bị đem đi bán đấu giá để trả cho chủ nợ nếu người đi vay không trả được hết nợ đúng hạn kỳ.

Foreign aid, Ngoại viện: Sự viện trợ kinh tế hoặc quân sự của nước ngoài.

Freedom, tự do: sự có thể làm điều mình muốn miễn là không xúc phạm đến người khác.

Free enterprise, sự tự do kinh doanh: sự kinh doanh do tư nhân điều khiển mà Chính phủ không xen vào.

Frontier, biên giới, biên cương: Đường phân cách giữa hai quốc gia.

Fundamentalism, Khuynh hướng Tin lành sùng bái Thánh kinh: chủ trương giữ vững nền móng cổ xưa của đạo.

Funding debts, nợ được trả dài hạn: Thủ tục trả một số nợ bằng cách tổng cộng tất cả số nợ lại và dàn xếp để được trả dài hạn với tiền lời.

G

Galleon, Tàu buồm ba boong: Một loại tàu buồm lớn có ba boong được người Tây ban Nha xử dụng rất nhiều trong thế kỷ 16 và 17.

Galley, Thuyền lớn: Một loại thuyền phải dùng chèo để đẩy hoặc một phần, hoặc tất cả.

GI., Lính Mỹ: Tiếng lóng, khá phổ thông trong Đệ Nhị Thế Chiến, dùng để chỉ một phần tử trong quân lực Mỹ hay một phần trong các trang bị quân sự do Chính phủ cấp phát.

Goods, Hàng Hóa: Trong Kinh tế học, chữ Goods có ý chỉ bất cứ vật gì thỏa mãn được nhu cầu của con người và có giá trị mậu dịch (hoán đổi).

Good neighbor, Láng giềng tốt: chủ trương hòa bình và tương trợ nước chung biên giới với nước mình.

H

Habeas Corpus, Trát dẫn trình: Một trát tòa truyền kẻ giam giữ một người khác phải dẫn trình đương sự ra tòa để thẩm vấn về lý do giam cứu đương sự. Từ ngữ Habeas Corpus là tiếng La tinh có nghĩa là "anh phải có thân xác" hay "anh phải dẫn chính đương sự".

Headright, Sự cấp đất cho di dân: Việc cấp đất đai cho một cá nhân được chở tới một thuộc địa nào hay đang cư trú trong một khu vực chỉ định nào.

Heavy Cruiser, Tuần dương hạm nặng: Một chiến hạm của hải quân có đặt súng không lớn hơn 8 inches nhưng lớn hơn 6 inches.

Hierarchy, Hệ thống quyền hành, Phẩm trật: Một tổ chức theo đó quyền hành và quyền bính đi từ cấp cao nhất xuống các cấp dưới kế tiếp.

Holding Company, Công ty mẹ: Một công ty được tổ chức để kiểm soát các Công ty khác hoặc các xí nghiệp khác vì đã làm chủ các cổ phần của các Công ty ấy.

Huguenots, Hiu-go-no: Tên dùng để chỉ các người theo Tin lành ở Pháp trong các thế kỷ 16 và 17.

I

Impeachment, Sự buộc tội: Sự buộc tội chính thức đối với một chức vụ công do Hạ nghị viện (Viện dân biểu) thực hiện và có tính cách bó buộc Thượng nghị Viện phải xử viên chức đó.

Imperialism, Chủ nghĩa đế quốc: chủ trương mở mang bờ cõi bằng cách thống trị nước khác.

Indemnity, Tiền bồi thường: Sự tính bằng tiền các thiệt hại người khác phải chịu.

Indenture, Giao kèo: Một khế ước thành văn, ràng buộc một người tự do phải phục vụ hoặc tập sự trong một khoảng thời gian nào đó.

Indictment, Sự buộc tội của Đại bồi thẩm đoàn (grand juries): Sự buộc tội chính thức một pháp nhân là đã vi phạm luật pháp. Đại bồi thẩm đoàn đưa ra các lời buộc tội này và sự buộc tội của Đại bồi thẩm đoàn, được dùng làm căn bản cho sự xét xử trước tiểu bồi thẩm đoàn (petit juries).

Individual freedom, tự do cá nhân: việc cho phép con người làm những điều mà mình muốn miễn không xúc phạm tới người khác.

Individualism, chủ nghĩa cá nhân: chủ trương đặt quyền lợi cá nhân, tự do cá nhân lên trên hết.

<u>Inflation</u>, <u>lạm phát</u>: Thời kỳ số lượng tiền tệ và tín dụng thư gia tăng nhanh hơn tổng số hàng hóa có sẵn. Giá cả vì thế tăng vượt trị giá thông thường của hàng hóa và mãi lực của đồng tiền bị giảm sút.

<u>Injunction</u>, <u>Lệnh tòa</u>: Một lệnh của tòa án bắt buộc một cá nhân hay một số người phải làm hay không được làm một việc gì rõ rệt.

<u>Intendant</u>, <u>Giám sát quan</u>: Một viên chức giám sát do các Vua nước Pháp chỉ định cho mỗi tỉnh. Giám sát quan chỉ chịu trách nhiệm trước nhà Vua.

<u>Integration</u>, <u>Sự hợp chủng</u>: Sự hòa hợp các dân khác màu da với nhau trong học đường hoặc xã hội.

<u>Internationalism</u>, <u>Chủ nghĩa quốc tế</u>: chủ trương đặt quyền lợi thế giới lên trên hết, đặt nhẹ quốc gia dân tộc mà nhấn mạnh vào con người và hòa bình thế giới.

<u>Intervention</u>, <u>Sự can thiệp</u>: việc xen vào bằng ý kiến hoặc hành động.

<u>Internal migration</u>, <u>sự di dân nội địa</u>: sự di chuyển của dân chúng từ vùng này sang vùng kia trong một nước.

<u>Interest</u>, <u>tiền lời</u>: Tiền lời phải trả hoặc tính vào số tiền đã vay mượn.

<u>Isolationism</u>, <u>chủ nghĩa biệt lập</u>: chủ trương chú tâm vào nội bộ mà thôi, không để ý đến những biến chuyển bên ngoài nước mình.

J

Joint Resolution, Nghị quyết chung: Một thủ tục nghị trường theo đó đa số trong hai viện Quốc hội, Thượng và Hạ nghị Viện đồng ý về một vấn đề gì rõ rệt trong chính sách cai trị của Hoa Kỳ.

Judicial Review, Quyền xét lại của Tư Pháp: Quyền của các Tòa án Mỹ đặc biệt Tối cao Pháp viện, nhận định một đạo luật nào đó có phù hợp với Hiến pháp hay không.

Judiciary, Tư pháp: Một ngành của Chính phủ xét xử các vụ án theo luật định; ngành Tư pháp Liên bang chỉ bao gồm các Thẩm phán của Tòa án Liên bang và các phụ tá tòa của Thẩm phán. (Bộ Tư pháp đứng đầu bởi Bộ Trưởng Tư pháp là một Bộ thuộc Hành pháp có nhiệm vụ thi hành Luật pháp và dẫn giải các tội phạm ra xét xử trước các Tòa án của Tư pháp).

Junta, Hội đồng cầm quyền: Hội đồng luật pháp có quyền hành pháp thường có tính chất cách mạng hoặc ngoại pháp lý. Thí dụ: Hội đồng Quân lực (Military Junta) cầm quyền sau khi quân đội lật đổ Chánh phủ hợp hiến.

Jurisdiction, Pháp quyền: Quyền của Tòa án xét xử một vụ án nào.

Appellate Jurisdiction, Thượng thẩm pháp quyền: Quyền của Tòa án xét xử các vụ thượng tố các phán quyết của tòa dưới.

Original Jurisdiction, Sơ thẩm pháp quyền: Quyền xét xử đầu tiên và trước hết một vụ án nào đó của Tòa án.

K

<u>Kingdom</u>, <u>Vương quốc:</u> Nước do Vua hay Nữ hoàng trị vì. Thí dụ: Anh Quốc.

L

Labor, Lao động: Từ ngữ Labor thường dùng để chỉ tất cả giai cấp sinh sống bằng đồng lương. Nói hẹp hơn, chữ Labor dùng để chỉ giới làm việc bằng chân tay, hoặc giới có lương bổng và có tham gia nghiệp đoàn.

Lame duck, "Gà què": Từ ngữ chính trị phổ thông dùng để chỉ một người đang giữ chức vụ công cử nhưng không trúng cử thêm một nhiệm kỳ nữa. Thí dụ: Nếu Tổng Thống Ford không được Đại hội Đồng Đảng Cộng Hòa tại Kansas City năm 1976 đề cử ra tranh chức vị Tổng Thống tháng 11 hoặc được đề cử mà không trúng cử. Ông sẽ được gọi là Tổng thống "Lame Duck".

Legation, Phái bộ Ngoại giao: Nơi cư trú và nơi đặt Văn phòng của một đại diện Ngoại giao có cấp thấp hơn Đại sứ.

Legislature, Ngành Lập pháp, Lập pháp viện: Một ngành của Chính phủ có nhiệm vụ soạn và thông qua các Đạo luật. Từ ngữ này dùng để chỉ cơ cấu làm luật của Tiểu bang và chỉ chung cả Thượng và Hạ nghị viện.

Lien, quyền bắt nợ: Quyền đòi làm chủ về pháp lý một tư hữu của người khác do việc người này thiếu nợ hoặc do án tòa bắt buộc người thiếu nợ phải nhượng quyền làm chủ tư hữu cho người mình thiếu nợ.

<u>Lobby, Vận động hành lang Quốc hội:</u> Từ ngữ chánh trị dùng để chỉ việc áp dụng các phương thức khuyến dụ hoặc áp lực đối với các nhà lập pháp ngoài các tiến trình lập pháp thông thường.

<u>Loose construction, Sự giải thích rộng:</u> Một lý thuyết cho rằng chánh phủ có quyền thông qua bất cứ đạo luật nào Hiến pháp không minh thị cấm đoán.

<u>Loyalty, Sự trung thành, trung hậu:</u> Sự không phản bội lại đồng minh, bạn bè hoặc cấp trên.

M

<u>Mandamus</u>, <u>Lệnh tòa</u>: Lệnh của Tòa án truyền cho một pháp nhân (hoặc là một cá nhân, hoặc là một tổ chức) phải làm một việc gì.

<u>Mandate</u>, <u>Sự ủy nhiệm:</u> Theo quốc tế công pháp, chữ Mandate dùng để chỉ một thỏa hiệp theo đó một cường quốc được quyền trông coi và bảo vệ một quốc gia khác yếu kém hơn.

<u>Manifest</u>, danh sách hàng hóa chuyên chở

<u>Martial Law</u>, <u>Luật chiến tranh</u>: Luật pháp áp đặt bởi nhà cầm quyền quân sự trong thời kỳ khẩn trương, như bạo động lan rộng, lụt lội hoặc hành quân.

<u>Materialism</u>, <u>Chủ nghĩa duy vật</u>: chủ trương chú trọng tới vật chất mà thôi.

<u>Mercantalism</u>, <u>Chủ trương mại bản bóc lột</u>: Một lý thuyết kinh tế chánh trị chủ trương rằng một quốc gia phải tìm cách gia tăng số cung cấp vàng cho mình bằng cách phát triển kỹ nghệ trong nước nhờ sự giao thương quốc tế, nếu quốc gia đó có thuộc địa, các thuộc địa này phải được điều hành như nguồn cung cấp nguyên liệu và thị trường tiêu thụ các sản phẩm biến chế cho mẫu quốc.

<u>Merger</u>, <u>sự sát nhập, sự nhập lại</u>: Sự phối hợp hai hay nhiều tổ chức kinh doanh thành một tổ chức duy nhất lớn hơn.

Militia, Nghĩa quân: các công dân thi hành nghĩa vụ quân sự và được huấn luyện nhưng chỉ phải ở trong quân ngũ chiến đấu trong thời kỳ khẩn trương. Đặc biệt chỉ Vệ binh quốc gia gồm các đơn vị nghĩa quân có tổ chức thường được đặt dưới quyền điều động của tiểu bang.

Military strategy, chiến lược quân sự: kế hoạch phân phối quân đội và võ khí để giữ nước hoặc thắng trận.

Moderation, Sự chừng mực, điều độ, ôn hòa.

Monarchy, Chế độ Quân chủ: Một Chính phủ do Quốc vương hoặc Hoàng đế hành xử quyền Quốc trưởng theo tục lệ cha truyền con nối.

Monopoly, Độc quyền: Từ ngữ này được dùng trong kinh tế học chỉ quyền kiểm soát một tiện ích hay một dịch vụ nào có thể đem bán được. Luật pháp đôi khi cho phép độc quyền dưới hình thức đặc quyền, chuyên nhất ban cho các công ty kỹ nghệ. Thí dụ: trong phạm vi chuyên chở (hỏa xa) hay tiện ích công cộng (điện, nước, điện thoại) hoặc dưới hình thức môn bài hay bản quyền.

Moratorium, Thời gian tạm ngưng thu nợ: Thời gian ngưng thi hành một số điều khoản thông thường của luật pháp trong việc thu nợ, do quyết định của chính phủ.

Mortgage, Văn tự cầm cố: Tài liệu pháp lý cho phép người cho vay quyền chiếm hữu tài sản nếu người đi vay không trả được nợ đúng kỳ hạn ghi trong thỏa hiệp.

Multilateral policy, Chính sách đa diện: Chính sách nhiều mặt để đối phó với nhiều quốc gia khác hẳn nhau.

N

National Commitment, Sự cam kết của một quốc gia: Sự chấp nhận của một quốc gia làm một nhiệm vụ gì.

Nationalism, Chủ nghĩa Quốc gia: lòng quyến luyến và sự lưu tâm mạnh mẽ đến vinh quang và danh dự của Tổ quốc.

Native, Dân bản xứ: Người sinh ra ở một nước nào.

Nativism, Chủ trương kỳ thị ngoại quốc: Chủ trương kỳ thị dân sinh ở nơi khác. Thí dụ: dân mới nhập tịch, hoặc ngoại bang.

Neutral, Trung lập: Chỉ một quốc gia không tham gia trực tiếp vào một cuộc chiến tranh, hoặc không liên kết quân sự với một trong các khối kình chống nhau.

Neutral right, quyền trung lập: quyền của một nước được đứng giữa, không ngả theo phe nào.

Neutrality, sự trung lập: sự đứng giữa, không ngả theo bên nào.

Nuclear warfare, Chiến tranh hạch tâm: chiến tranh nguyên tử, có sức tàn phá rất mãnh liệt.

Nullification, Vô hiệu hóa: Lý thuyết cho rằng mỗi tiểu bang có quyền tuyên bố một đạo luật do Chánh phủ Hoa kỳ (Liên bang) thông qua là "Vô hiệu" trong phạm vi lãnh thổ của tiểu bang, do đó, tiểu bang không bị bó buộc thi hành đạo luật này.

<u>Obiter Dictum</u>, <u>Ngoại ngôn, Lời ngoài</u>: Trong tiến trình xét xử của Tòa án, ngoại ngôn là lời nhận xét hoặc ý kiến tình cờ do quan tòa đưa ra và không có tính cách ràng buộc.

P

Pan-American, Toàn châu Mỹ: có tính cách thuộc toàn châu Mỹ với các quốc gia liên kết với nhau vì vị trí địa dư.

Parity, Quân bình giá cả: Trong các năm vừa qua, từ ngữ quân bình chỉ việc tính giá nông phẩm bằng cách dựa vào giá cả nông phẩm trong một số năm về trước (dùng làm năm căn bản rồi cộng thêm hoặc bớt đi một số nào đó).

Parliament, Quốc hội: Viện lập pháp của Anh quốc, danh từ này cũng dùng để chỉ các Viện Lập pháp của các nước khác.

Parliamentary, Theo thủ tục Nghị trường: Chỉ các thủ tục phù hợp với nội quy và thói quen của những cuộc họp công cộng.

Patronage, Quyền Bầu chủ: Quyền chỉ định người vào một chức vụ thấp hơn trong Chính phủ. Trong thực tế, Tổng thống chia sẻ với các Dân biểu trong Đảng của Ông quyền bầu chủ trong một phạm vi nào đó.

Pilgrims, Nhóm Hành hương: Chỉ những người định cư đầu tiên tại Thuộc địa Plymouth miền Tây Anh cát Lợi. Theo nghĩa Tôn giáo, những người Pilgrims được mệnh danh là những người ly giáo vì họ tự ly khai với Giáo hội Anh Quốc.

Plantation, Đồn điền: Nghĩa đầu tiên, chỉ khu vực thiết lập thuộc địa, sau này chỉ cơ sở nới rộng dùng để trồng trọt hoa màu như mía, bông .v.v..

Platform, Cương lĩnh Chánh trị, Lập trường tranh cử: Chỉ tất cả những tuyên ngôn do một Đảng chấp nhận như là căn bản cho việc tranh cử và đảng hứa sẽ thi hành nếu được đắc cử. Đôi khi các Ứng cử viên cũng có những lời tuyên bố cá nhân và cũng được coi như "Lập trường tranh cử".

Plebiscite, Trưng cầu Dân ý: Một cuộc đầu phiếu trực tiếp trong đó dân chúng quyết định việc lựa chọn chế độ (hình thức chánh phủ) hay liên kết với một Quốc gia nào. Thí dụ: Cuộc Trưng cầu dân ý ngày 23 tháng 10 năm 1955 tại Việt Nam để các công dân lựa chọn giữa chế độ quân chủ của Cựu hoàng Bảo Đại và chế độ Cộng hòa. Cuộc Trưng cầu Dân ý ở Cachemire Ấn độ để dân chúng quyết định thuộc về Hồi hay Ấn (không được tổ chức).

Pool, Sự chung vốn: Sự phối hợp các Công-ty cạnh tranh vào một hệ thống kinh doanh để cùng kiểm soát thị trường.

Pragmatism, Thuyết duy dụng: Một hệ thống tư tưởng phủ nhận bất cứ một "chân lý tuyệt đối nào" và chủ trương trắc nghiệm mọi sự kiện, mọi thực thể về phương diện hữu dụng, do đó sẽ quyết định sự thực và sự tốt của một thực thể do mức độ thực tiễn và hữu dụng của thực thể đó. Thuyết duy dụng biến chân lý thành một sự kiện tương đối có thể phân biệt được với sự lầm lẫn (điều ngược với chân lý) bằng cách trắc nghiệm tính chất hữu hiệu của chân lý đó. Toàn thể thuyết này đối nghịch với giáo huấn của Giáo hội Công giáo vì rằng nếu không có chân lý tuyệt đối "sẽ không thể có tiêu chuẩn khách quan cho luật lệ và luân lý".

Prejudice, Thành kiến: Ý kiến đã có từ lâu, khó thay đổi được.

Presbyterian, Trưởng lão giáo: Một hình thức của tổ chức giáo hội Tin lành, theo đó các Mục sư và các Trưởng lão cùng hợp nhau điều khiển giáo hội.

Primary Election, Bầu cử sơ bộ: Cuộc bầu cử trong đó đảng viên của một đảng lựa chọn các viên chức của đảng.

Direct Primary, Bầu cử sơ bộ trực tiếp: Cuộc bầu cử trong đó các đảng viên thực thụ lựa chọn các ứng cử viên cho các chức vụ dân cử.

Profit, Tiền lời: Tiền kiếm được của một công ty hay một xí nghiệp sau khi đã trừ phí tổn sản xuất và các phí tổn khác.

Proprietor, Sở hữu Chủ: Người làm chủ một tư hữu, bất động sản hay một xí nghiệp kinh doanh và chịh mình đứng tên.

Progress, Sự tiến bộ: sự theo kịp nhu cầu mới hoặc phát huy bản thân.

Protectorate, Sự bảo hộ: Tương tự như sự ủy nhiệm, nhưng thường do sự dàn xếp bằng thỏa hiệp song phương giữa hai quốc gia thay vì bằng thỏa hiệp Quốc tế.

Protest, Phản đối: sự chống đối thể chế hiện hành.

Provisional Government, Chính phủ lâm thời: Một Chính phủ được thiết lập tạm thời để phục vụ cho tới khi một chính phủ thường trực được thành lập theo Hiến pháp thông thường.

Public Welfare, An sinh công cộng: Quyền của mọi người được sống chung trong xã hội với những phương tiện tối thiểu.

Puritan, Người theo Thanh giáo: Vào thế kỷ 17, người theo Thanh giáo là một thành phần của Giáo hội Anh Quốc muốn loại bỏ các Giám mục và các định chế khác hoặc các điều tin tưởng do Công giáo mang đến cho Giáo hội chính thức của Anh quốc.

Puritan Ethic, luân lý Thanh giáo: luân lý dạy con người phải sống khắc khổ để đến tới tổ tông.

Q

<u>Quitrent</u>, <u>Địa tô</u>: Tiền mướn đất do người xử dụng đất trong một địa phận thời phong kiến hoặc trong một thuộc địa trả cho sở hữu chủ.

R

<u>Racism, Sự kỳ thị chủng tộc:</u> Chủ trương người da màu hèn kém hơn người da trắng.

<u>Radical, Cấp tiến cực đoan:</u> Một đảng hoặc một nhóm người tìm cách thay đổi toàn diện trật tự, chánh trị hoặc kinh tế bằng biện pháp cách mạng nhằm thay đổi hoàn toàn trật tự cũ.

<u>Radical Republicans, Đảng viên Cộng hòa Cấp tiến Cực đoan:</u> Một nhóm đảng viên trong đảng Cộng hòa đòi quyền bình đẳng hoàn toàn cho người da đen.

<u>Radicalism, Chủ nghĩa cấp tiến cực đoan:</u> chủ nghĩa đòi hỏi cải tổ toàn diện, tận gốc, bằng mọi phương tiện.

<u>Rebate, Tiền chiết giảm:</u> Thói quen hoàn trả lại khách hàng một phần giá tiền hàng hóa hay dịch vụ. Thí dụ: Giá một chiếc xe hơi Ford, 8 máy mới, được định là 4000$, khách hàng thỏa thuận mua, sau đó nhà buôn hoàn lại cho khách hàng 300$. Số tiền này gọi là tiền chiết giảm (Rebate)

<u>Recession, Tình trạng thối lưu Kinh tế:</u> Thời gian khủng hoảng kinh tế ngắn và nhẹ (nhẹ hơn tình trạng Depression : Trì trệ).

<u>Reciprocal Trade, Giao thương hỗ tương:</u> Sự giàn xếp giữa hai quốc gia đang giao thương với nhau để cùng cắt bớt hàng rào quan thuế cho cả hai quốc gia cùng được lợi.

Recognition, Sự thừa nhận: Sự kiện một Quốc gia này chính thức công nhận một quốc gia khác, thường đi trước việc trao đổi đại diện ngoại giao chánh thức của hai quốc gia.

De Jure Recognition, Thừa nhận chính thức: Công nhận một chính phủ nào đó như là chính phủ chính thức và đầy đủ quyền hành của một Quốc gia đã được thừa nhận.

De Facto Recognition, Nhìn nhận trên thực tế: Chỉ là sự nhìn nhận có thật sự hiện hữu của một chính phủ nào đó.

Reconstruction, Sự tái thiết: việc xây dựng lại về tinh thần hay vật chất sau một cuộc đổ vỡ.

Reduction, Sự thu gọn, Cộng đồng thu gọn: Một tổ chức truyền giáo được áp dụng khá rộng rãi ở các khu vực của người da đỏ, gồm một cộng đồng da đỏ được tổ chức chung quanh một Giáo đường và một trường học của phái bộ truyền giáo.

Reform, Cải cách: thay đổi từ từ để theo kịp nhu cầu mới.

Reparations, Tiền bồi thường: Tiền (hay trị giá tương đương tính bằng tiền) do một nước thất trận phải trả cho một nước thắng trận vì những thiệt hại mà quân lực của nước bại trận đã gây ra trong lúc chiến tranh.

Republic, Nước Cộng hòa, Chế độ Cộng hòa: Một hình thức Chính phủ (Chính thể) trong đó thẩm quyền cai trị nằm trong đoàn thể công dân có quyền đầu phiếu; vị đứng đầu Hành pháp được bầu cử hay chỉ định (không phải cha truyền con nối) và những người có trách nhiệm điều khiển chánh phủ đại diện hoặc trực tiếp hoặc gián tiếp cho các cử tri của họ. Từ ngữ Republic (Cộng hòa) đã được dùng để diễn tả các chính thể xưa như thời Cộng hòa La Mã, do một giai cấp trưởng lão cai trị, mới như Cộng Hòa Hiệp chủng Quốc ngày nay, vốn là một chính thể thuần túy dân chủ trong đó đa số người dân tới tuổi thành niên làm thành cử tri đoàn và cũng trong chính thể này có những ràng buộc của Luật Hiến pháp (Dân chủ pháp trị).

Resolution, Nghị quyết: Một thủ tục Nghị trường theo đó Đại hội (hoặc Quốc hội) chính thức bày tỏ ý kiến về một vấn đề chính sách. Thí dụ: Nghị quyết Vịnh Bắc Việt (Tonkin Gulf Resolution) cho phép Tổng Thống Johnson mở rộng chiến tranh tại Bắc Việt để bảo vệ quyền lưu thông của các chiến hạm Mỹ trên mặt biển.

Retail, Bán lẻ: Giai đoạn bán hàng trong đó sản phẩm được bán cho người tiêu thụ cuối cùng.

Revolution, Cách mạng: Cuộc thay đổi toàn diện và tận gốc một chế độ.

Rider, Bổ túc án: Phần thêm vào một dự luật trong Quốc hội, thường về một vấn đề khác với vấn đề của dự luật nguyên thủy. Quốc hội thường đính thêm những "Bổ túc án" vào các dự luật cấp phát ngân khoản quan trọng để Tổng thống phải chấp nhận những điều khoản đó như là một phần của dự luật, quan trọng hơn, vì nếu trình bày những điều khoản đó riêng rẽ, Tổng Thống sẽ phủ quyết.

S

Scrip, Chỉ tệ tạm thời: Một hình thức tạm thời của giấy bạc chỉ dùng trong một thời gian ngắn cho tới khi hình thức chính thức được hoàn thành và xử dụng. Ngày trước Hoa kỳ phát hành chỉ tệ này có giá trị nhỏ hơn một Mỹ kim.

Secession, Ly khai: Lý thuyết cho rằng một Tiểu bang có thể tự ý dời khỏi Liên bang. Từ ngữ này dùng để chỉ lời tuyên bố chính thức có một Tiểu bang có nghĩa rằng Tiểu bang đã rút khỏi Liên bang.

Sect, Giáo phái: (Xem chữ Denomination)

Sectionalism, Chủ trương phe phái: Sự tận tụy lo cho quyền lợi của một nhóm riêng rẽ nào trong nước hơn là lo cho quyền lợi tối thượng của toàn quốc nói chung.

Sedition, Sự xúi dục khởi loạn: Hành động dẫn tới phản loạn hoặc phản quốc bằng cách chủ tâm xúi dục người khác lật đổ một chánh phủ đã được thành lập một cách hợp pháp.

Segregation, Sự tách chủng: hình thức tách biệt những người da màu và người da trắng trong những phương tiện công cộng.

Seignories, Lãnh địa: Vùng đất đai do các Vua Pháp định đoạt ở Gia nã Đại và ban cho các sở hữu chủ các vùng đất này một số quyền hành của một lãnh chúa thời phong kiến.

Separation of powers, nguyên tắc phân quyền: nguyên tắc phân biệt ba thứ quyền là quyền Lập pháp, Hành pháp và Tư pháp, nghĩa là quyền làm luật thi hành luật và điều hành guồng máy và xét xử theo luật.

Services, Dịch vụ: Trong kinh tế học, dịch vụ có nghĩa là công việc của một cá nhân có thể định giá trên thị trường nhưng không góp phần vào việc sản xuất hàng hóa, để phân biệt với chính chữ hàng hóa (Goods), là những vật có thể đem bán được.

Sharecropper, Tá điền làm rẽ: Tá điền sinh sống bằng cách giữ lại một phần hoa màu do chính mình trồng trọt trên đất đai của địa chủ.

Shareholder, Cổ đông: Người có một số cổ phần chứng khoán trong một Công ty.

Slavery, Chế độ nô lệ: chế độ trong đó những người da màu hoàn toàn thuộc quyền sở hữu và chi phối của các chủ nhân da trắng.

Social conscience, Lương tâm xã hội: ý thức làm điều tốt của mọi người trong cộng đồng.

Sovereignty, Chủ quyền: toàn quyền đầy đủ của một quốc gia độc lập và tự trị. Từ ngữ này được dùng trước thời Nội chiến để chỉ toàn quyền của các người định cư quyết định có duy trì nô lệ trong lãnh thổ của họ hay không?

Specie, Đồng tiền thật: Tiền bằng vàng hoặc bạc (tiền làm bằng kim khí chứ không phải bằng giấy).

Speculation, Sự đầu cơ: Việc mua hoặc bán những món đồ tiện ích với hy vọng kiếm lời nhờ sự thay đổi giá cả nhanh chóng trên thị trường.

Sphere of influence: khu vực ảnh hưởng: vùng gồm nhiều nước bị một nước mạnh hơn chi phối phần nào.

Squatter, Cư ngụ bất hợp pháp: Một người cư ngụ trên đất đai mà họ không có quyền cư ngụ.

Staple, Sản phẩm chính: Sản phẩm chính của một khu vực nào, và việc bán sản phẩm này tạo nên nguồn lợi tức chính của khu vực đó. Thường thường từ ngữ này dùng giới hạn để chỉ các nông phẩm như thuốc lá, đường hay bông gòn.

State, Quốc gia (Nhà nước): Tổ chức cai trị trong một xã hội, có thẩm quyền và phương tiện cai trị xã hội đó với mục đích mang lại thiện ích chung. Quốc gia (Nhà nước) có luật pháp và chính phủ riêng, cả hai điều này đều cần thiết cho sự hiện hữu của quốc gia và thiện ích của xã hội. Bất cứ thẩm quyền nào quốc gia có đều xuất phát từ nguồn gốc của mọi quyền lực tức là Thượng đế (Thuyết thần quyền).

Status Quo, Nguyên trạng: Từ ngữ này dùng để chỉ sự kiện tiếp tục các trật tự hiện hữu hoặc các trật tự đã có trước khi chiến tranh hay lộn xộn.

Stock, Cổ phần chứng khoán: Vốn của một Công ty, thường được chia ra thành nhiều cổ phần, nghĩa là phần vốn do cổ đông làm chủ. Có hai loại cổ phần chứng khoán:

Stock Common, Cổ phần chứng khoán thông thường: Loại cổ phần này cho phép người làm chủ quyền quản trị công ty hay xí nghiệp và người có cổ phần loại này chỉ nhận tiền lời chia khi tiền lời được đem ra chia theo quyết định của Ban quản trị.

Stock Preferred, Cổ phần chứng khoán chọn lựa: Loại cổ phần này không cho phép người làm chủ có tiếng nói trong việc quản trị nhưng bảo đảm tiền lời chia với mức nhất định.

Strategy, Chiến lược: Từ ngữ quân sự dùng để chỉ các kế hoạch hành động quân sự dài hạn và đại qui mô.

Strict Construction, Giải thích chặt chẽ: Lý thuyết cho rằng Chính phủ Liên bang chỉ có thể hoạt động trong các phạm vi đã được Hiến pháp Hoa kỳ minh thị riêng biệt.

<u>Subsidy</u>, <u>Trợ cấp</u>: Tiền trả, hoặc trợ cấp, hoặc viện trợ do chính phủ ban cho một kỹ nghệ hay một chính phủ đồng minh.

<u>Suffrage</u>, <u>Quyền đầu phiếu</u>: Quyền bỏ phiếu trong một cuộc bầu cử chánh trị.

<u>Synod</u>, <u>Hội nghị Tôn giáo (Giáo nghị)</u>: Một Hội đồng Tôn giáo được triệu tập để thảo luận các vấn đề của Giáo hội, trong tổ chức của giáo phái Tin lành (Presbuterian) Giáo nghị (Synod) là một Hội đồng đứng ngay trên các vị trưởng lão trong Giáo Hội.

T

Tactics, Chiến thuật: Từ ngữ quân sự dùng để chỉ các phương pháp cụ thể nào đó nhằm đạt tới một mục tiêu tức thời.

Tariff, Quan thuế biểu: Bản kê các giá thuế đánh vào hàng hóa nhập nội một Quốc gia.

Technology, Kỹ thuật: Liên quan tới kỹ nghệ, máy móc.

Territory, Lãnh thổ: Danh từ này ở Hoa kỳ có nghĩa là một vùng chưa được công nhận là một Tiểu bang nhưng đã có tổ chức chính quyền theo đó các người cư trú trong vùng này có quyền lựa chọn ít nhất một phần viện Lập pháp. Đó là một hình thức chính quyền chuyển tiếp trước khi trở thành Tiểu bang.

Third World, Thế giới thứ Ba: chỉ thế giới những nước không liên kết, các nước Phi châu mới mở mang.

Totalitarianism, Chủ nghĩa độc tài: Chủ trương mọi quyền lực phải tập trung lại một người hoặc một nhóm người.

Trade winds, Luồng gió thông: Vòng đai có gió thổi tương đối không thay đổi theo hướng đông bắc trong vùng Azores và biển Caribbean. Cũng có các vòng đai tương đương ở Nam Bán Cầu gió thổi theo hướng Đông Nam.

Treaty, Hiệp ước: Một thỏa hiệp chính thức được ký kết bởi các Chính phủ của hai hay nhiều nước.

Trust, Trớt: Trong kinh tế học, chữ Trust dùng để chỉ một hình thức tổ chức trong đó cổ phần của nhiều Công ty khác nhau được giao cho một nhóm người (gọi là Trustees), những người này phối hợp các chính sách quản trị chung cho các công ty hội viên.

U

Urbanization, sự thị hoá, đô thị hoá: Việc biến cải những nơi hẻo lánh ít người thành những khu kỹ nghệ hoặc thương mại sầm uất.

Ultimatum, Tối hậu thư: Trong bang giao Quốc tế, tối hậu thư là lời đòi hỏi cuối cùng của một quốc gia đối với một quốc gia khác, đòi hỏi này phải được đáp ứng, nếu không sẽ chấm dứt thương thuyết và sẽ sử dụng võ lực.

V

__Values, Những giá trị__: Những gì con người cho là tốt, hay, và mong đạt được.

__Vassal, Chư hầu__: Trong chế độ phong kiến, chữ chư hầu (Vassal) dùng để chỉ một người giữ đất đai, do đó phải phục dịch thẳng vị lãnh chúa của mình. Sau này, chữ chư hầu dùng để chỉ một quốc gia mà các chánh sách của quốc gia này phải tùy thuộc một quốc gia mạnh hơn. (Thí dụ: người ta thường gọi các quốc gia Đông Âu là các quốc gia chư hầu của Nga xô).

__Viceroy, Phó vương__: Một viên chức Chánh phủ Tây ban Nha do nhà Vua chỉ định làm đại diện riêng để cai trị một khu vực riêng biệt nào trong các thuộc địa của Tây ban Nha.

__Virtual Representation, Quyền đại diện rộng rãi__: Lý thuyết về chính quyền dân cử cho rằng các dân biểu (thành phần của Quốc hội), đại diện quyền lợi chung cho toàn quốc, chứ không phải chỉ đại diện cho quyền lợi của các cử tri của Ông.

W

Western powers, Các cường quốc Tây phương: Từ ngữ này được dùng trong thế kỷ 20 để chỉ các Quốc gia Tây Âu và Bắc Mỹ chống cự Đế Quốc Đức trong thế chiến Thứ Nhất, chống phe Trục (Đức, Ý, Nhật) trong thế chiến Thứ Nhì và chống khối các Quốc gia Cộng sản từ năm 1945 trở đi.

World War, Thế chiến: chiến tranh thế giới giữa nhiều nước với nhau.

Wholesale, Bán sỉ: Hình thức bán hàng theo đó hàng hóa được bán với số lượng lớn cho các công ty để các công ty này bán lại cho người tiêu thụ.